

Chương

1

Những điều cần biết về Nhật Bản

Nhật Bản là một đất nước như thế nào? **T4**

Nét hấp dẫn của từng vùng **T6**

Tại sao chọn Nhật Bản? **T8**





Nhật Bản là một đất nước như thế nào?

“Đất nước hoàng kim” mà bạn lấy làm mục tiêu là một nước như thế nào?

Dân số thứ

9

thế giới



Tuổi thọ trung bình thứ
(cả nam lẫn nữ)

1

thế giới

Bình quân GDP/đầu người thứ

2

thế giới

Tổng kim ngạch viện trợ phát triển chính phủ (ODA) thứ

2

thế giới



Tổng phát hành báo chí thứ

2

thế giới

Sản xuất phim ảnh thứ

3

thế giới



Sản xuất xe hơi thứ

1

thế giới

Diện tích thứ

62

thế giới

(Theo thống kê thế giới năm 2008)

Giới thiệu Nhật Bản:

Web Japan  <http://web-japan.org/>

Yokoso Japan  <http://www.visitjapan.jp/>

Japan Information Network  <http://jin.jcic.or.jp/>

Japan National Tourism Organization (JNTO)  <http://www.jnto.go.jp>



Malco Polo, một thương nhân của Venetian với tư cách là một nhà du lịch đã viết trong cuốn “Đông phương kiến văn lục”, lần đầu tiên giới thiệu Nhật Bản ra Châu Âu với cái tên “Zipang”.

“Đất nước này sản xuất một lượng vàng khổng lồ, chứa đầy tài nguyên quý giá”
... Với bạn - Bạn có thể sở hữu được những tài nguyên nào trong đó.

Vĩ độ: từ vĩ độ Bắc 20 độ đến 46 độ(trùng với vĩ độ từ Bắc Phi đến Nam Âu, hợp chủng quốc Hoa Kỳ)

Diện tích: chiều dài từ Bắc tới Nam là 2500km, với tổng diện tích 378.000km²

Bốn hòn đảo chính: Hokkaido, Honshu, Kyushu và Okinawa

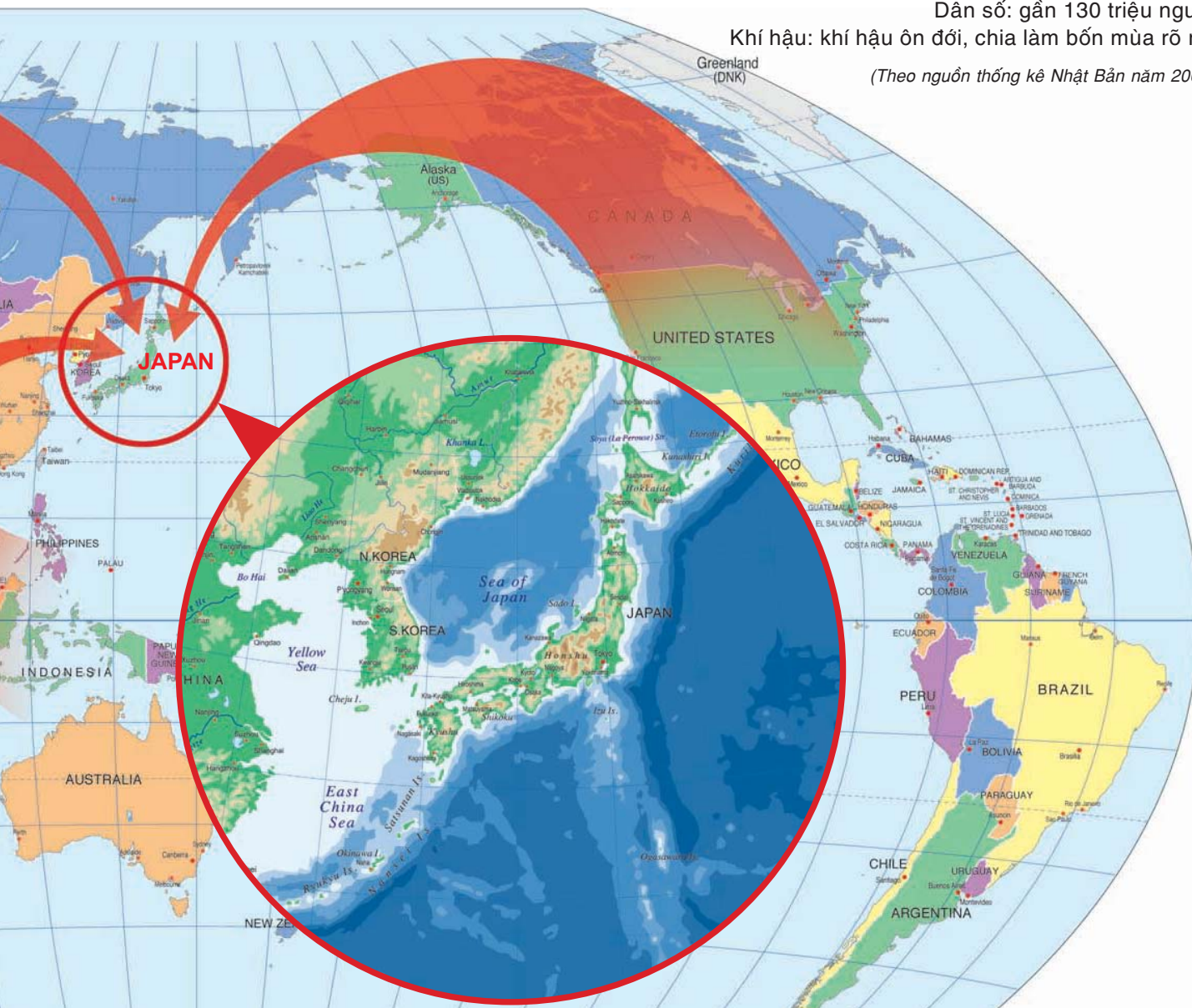
Honshu được chia thành 5 vùng: Tohoku, Kanto, Chubu, Kinki và Chugoku

Vùng núi (đồi núi): đồng bằng (đất canh tác, đất sinh sống) 3/1

Dân số: gần 130 triệu người

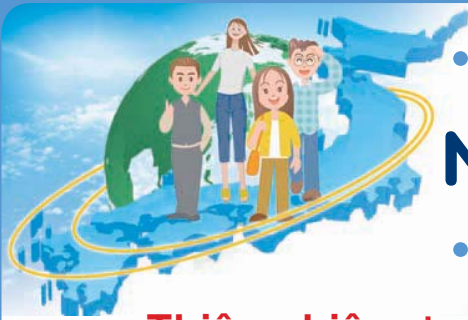
Khí hậu: khí hậu ôn đới, chia làm bốn mùa rõ rệt

(Theo nguồn thống kê Nhật Bản năm 2008)



Một số thông tin về Nhật Bản

	Dân số các tỉnh	Tổng diện tích	Tổng doanh thu sách, tạp chí	Món ăn ưa thích	Sở thích	Họ
Đứng thứ 1	Tokyo	Hockaido	Tokyo	Cá nướng	Du lịch	Sato
Đứng thứ 2	Kanagawa	Iwate	Osaka	Món rán	Thể thao	Suzuki
Đứng thứ 3	Osaka	Fukushima	Kyoto	Cá sống	Đọc sách	Takahashi
Đứng thứ 4	Aichi	Nagano	Ishikawa	Món thịt ninh	Tivi	Tanaka
Đứng thứ 5	Saitama	Akita	Aichi	Món cơm cari	Vừa đi vừa ăn	Watanabe



Nét hấp dẫn của từng vùng

Thiên nhiên ưu đãi! Nhiều món ăn ngon! Bề dày lịch sử!

Tại mỗi vùng của đất nước Nhật Bản đều có nhiều phong cảnh tự nhiên tươi đẹp với núi, biển, rừng, sông, hồ và thác.

Tại mỗi vùng của đất nước Nhật Bản đều có rất nhiều món ăn truyền thống rất ngon được làm từ gạo, rau, hoa quả, thịt, cá và rất nhiều thứ khác.

Tại mỗi vùng của đất nước Nhật Bản đều có một bề dày lịch sử trải từ thời Kofun, thời Samurai cho đến thời hiện đại.

Kyushu & Okinawa

■ **Công nghiệp:** phía bắc nổi tiếng về trồng quýt, trồng lúa một năm hai vụ. Phía nam Kyushu nổi tiếng về khoai lang, cây thuốc lá, chăn nuôi gia súc. Có nhiều cơ sở nuôi cá. Công nghiệp gang thép, cơ khí, hóa học, đóng tàu, hoá dầu phát triển.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Fukuoka]	① Fukuoka ② 5,056 ③ phủ Daza, Mentaiko, lễ hội Hakada dontaku ④ 33.0/4.0
[Saga]	① Saga, ② 859 ③ di tích Yoshino, tảo biển, món nướng Aria ④ 34.3/2.0
[Nagasaki]	① Nagasaki ② 1,453 ③ Vực Fugendake, món Shippoku, món Nagasaki kunchi ④ 32.4/4.0
[Kumamoto]	① Kumamoto ② 1,828 ③ núi Aso, món thịt ngựa, thành Kumamoto ④ 34.5/1.9
[Oita]	① Oita, ② 1,203 ③ suối nước nóng Beppu, Kabosu, phật Magaibutsu ④ 32.8/2.6
[Miyazaki]	① Miyazaki ② 1,143 ③ eo biển Takachihokyo, di tích Saitobaru ④ 32.0/3.1
[Kagoshima]	① Kagoshima, ② 1,730 ③ Sakurashima, khoai răn, bánh khoai ④ 33.7/5.2
[Okinawa]	① Naha ② 1,373 ③ đảo Iriomote, Chamburu, thành Shuri ④ 32.0/15.6

Chugoku

■ **Công nghiệp:** trồng lê, trồng nho xạ, trồng đào, nuôi hào rất được thịnh hành. Có nhiều nhà máy, khu công nghiệp sản xuất sợi hoá học, sắt thép, đóng tàu, ô tô, tổ hợp công nghiệp hoá dầu, xi măng v.v...

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Tottori]	① Tottori ② 600 ③ cồn cát, lê, lễ hội Nagashibina ④ 34.3/0.2
[Shimane]	① Matsue, ② 731 ③ hồ Shinji, hến, đền Izumotaisha ④ 33.4/0.7
[Okayama]	① Okayama ② 1,953 ③ công viên Korakuen, nho xạ, cầu lớn Setoohashi ④ 34.5/1.2
[Hiroshima]	① Hiroshima ② 2,873 ③ Miyazima, ngôi nhà bị bom nguyên tử ④ 33.6/1.9
[Yamaguchi]	① Yamaguchi ② 1,474 ③ Hagi, cá nóc, cầu Kintai kyo ④ 33.6/0.8

Kinki

■ **Công nghiệp:** nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng quýt, nuôi ngọc trai rất phổ biến. Là khu công nghiệp lớn thứ ba của Nhật Bản, phát triển các ngành hoá học nặng, vải sợi, đồ điện, thực phẩm...

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Mie]	① Mie ② 1,876 ③ ngọc trai, tôm Ise, đền Ise ④ 31.6/1.8
[Shiga]	① Otsu ② 1,396 ③ hồ Biwa, Funazushi, thành Hikone ④ 32.7/0.5
[Kyoto]	① Kyoto ② 2,635 ③ Amanohashidate, đậu phụ luộc, lễ hội Gion ④ 34.9/0.9
[Osaka]	① Osaka ② 8,812 ③ thành Osaka, Okonomiyaki, lễ hội Tenjin ④ 35.0/2.3
[Hyogo]	① Kobe ② 5,589 ③ núi Rokko, thịt bò Kobe, thành Himeji ④ 33.3/2.7
[Nara]	① Nara ② 1,410 ③ Yoshino, món sushi cuốn lá hồng, lễ hội tát nước ④ 34.2/-0.9
[Wakayama]	① Wakayama ② 1,019 ③ con đường cổ Kumano, mơ muối, lễ hội lửa Nachi ④ 33.5/2.1



Shikoku

■ **Công nghiệp:** đóng tàu, kim loại, giấy, bột giấy, khăn mặt, sợi hóa học phát triển.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Tokushima]	① Tokushima ② 800 ③ dòng nước xoáy, quýt Sudachi, điệu múa Awa, ④ 33.2/2.8
[Kagawa]	① Takamatsu ② 1,006 ③ khe núi Kankakei, Udon, đền Kotohiragu ④ 34.0/1.9
[Ehime]	① Matsuyama ② 1,452 ③ suối nước nóng Dogo, quýt Iyokan, thành Matsuyama ④ 33.3/2.1
[Kochi]	① Kochi ② 782 ③ sông Shimanto, cá ngừ, lễ hội Yosakoi ④ 32.8/2.9

Hokkaido

■ **Công nghiệp:** sản phẩm nông nghiệp chiếm 12% sản lượng toàn quốc. Sản lượng khoai tây, lúa mì đứng thứ nhất. Lượng sữa tươi chiếm 40% sản lượng toàn quốc. Ngành thủy sản chiếm 1/4 sản lượng toàn quốc. Công nghiệp: thực phẩm, bột giấy và giấy, máy móc, hoá dầu, sắt thép, ngoài ra du lịch cũng rất phát triển.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**
[Hokkaido] ① Sapporo ② 5,570 ③ núi Daisetsu, hồ Mashu, hải sản, khoai lang, lễ hội tuyết Sapporo ④ 28.8/-6.8

Tổng dân số [127,771]

(đơn vị nghìn người)

※ Theo điều tra Cục thống kê, Văn phòng chính phủ 2007



Chubu

■ **Công nghiệp:** nổi tiếng với gạo, quýt, chè, nho, đào. Nagoya là khu trung tâm công nghiệp đứng thứ hai của Nhật, phát triển công nghiệp cơ khí, máy bay, ô tô, hoá dầu, hàng len... Ngoài ra còn có đồ gốm sứ và những sản phẩm đồ gốm sứ mới. Bột giấy, giấy, nhạc cụ, xe máy... là nét đặc trưng của vùng. Công nghiệp cơ khí chính xác cũng rất phát triển.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Niigata] ① Niigata ② 2,405 ③ đảo Sato, gạo Koshihikari, đền Haku san, ④ 31.9/-0.7
[Toyama] ① Toyama, ② 1,106 ③ dãy núi Tateyama, mực ống, danh thắng Kazenobon ④ 32.7/-1.2
[Ishikawa] ① Kanazawa, ② 1,170 ③ công viên Kenrokuen, của Zuwai, nghề nhuộm Kaga ④ 32.4/-0.2
[Fukui] ① Fukui, ② 816 ③ danh thắng Tojinbo, của Echizen, chùa Eiheiji ④ 33.1/-1.1
[Yamanashi] ① Kofu, ② 877 ③ núi Phú sĩ, nho, lễ hội Shingenko ④ 33.2/-2.5
[Nagano] ① Nagano ② 2,180 ③ cao nguyên Kami, mì Shinshu, chùa Zenkoji ④ 32.7/-5.6
[Gifu] ① Gifu ② 2,104 ③ danh thắng Shirakawago, cá Ayu, Ukai ④ 34.4/-0.2
[Shizuoka] ① Shizuoka ② 3,801 ③ núi Phú sĩ, chè, Izu ④ 30.6/-1.9
[Aichi] ① Nagoya, ② 7,360 ③ thành Nagoya, tượng Katsu, cung điện Atsuta ④ 33.6/0.4

Tohoku

■ **Công nghiệp:** Lúa chiếm 1/4 sản lượng toàn quốc. Trồng táo, anh đào, đào, lê rất phổ biến. Nơi đây được thiên nhiên ưu đãi có nhiều ngư trường tốt. Công nghiệp phát triển cùng với các ngành nghề truyền thống khác.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Aomori] ① Aomori, ② 1,407 ③ hồ Towada, táo, lễ hội Nebuta ④ 29.0/-4.4
[Iwate] ① Morioka ② 1,364 ③ sông Kitagami, chùa Chuson, chaguchagu Umakko (lễ diễu hành ngựa) ④ 30.0/-6.7
[Akita] ① Akita ② 1,121 ③ hồ Hachirogata, cảnh đồng Kiritanpo, lễ hội Kanto ④ 31.0/-3.3
[Yamagata] ① Yamagata ② 1,198 ③ núi Zao, quả anh đào, lễ hội Hanagasa ④ 31.5/-5.0
[Miyagi] ① Sendai ② 2,347 ③ Matsushima, bánh dày Sunda, lễ hội Tanabata ④ 28.5/-2.5
[Fukushima] ① Fukushima ② 2,067 ③ Núi Bandai, đào, Nomaori (lễ đuổi ngựa hoang) ④ 31.5/-2.4

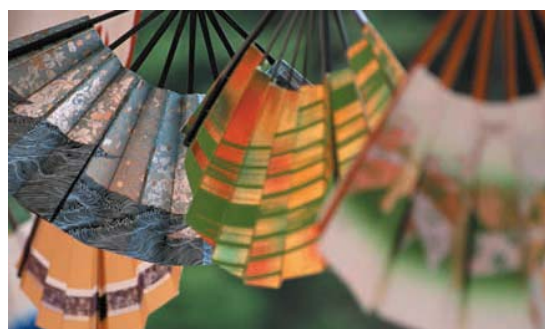


Kanto

■ **Công nghiệp:** hội tụ nền kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Tập trung vào phát minh kỹ thuật, liên kết các cụm công nghiệp. Phát triển công nghiệp ô tô, điện gia dụng, công nghiệp hàng không, công nghiệp dịch vụ. Vùng đồng bằng và ngoại ô Kanto, nông nghiệp phát triển. Công nghiệp sắt thép, cơ khí, hoá dầu cũng rất phát triển.

■ ① **Thủ phủ** ② **Dân số (nghìn người)** ③ **Danh thắng** ④ **Nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất)**

[Ibaraki] ① Mito ② 2,969 ③ hồ Kasumigaura, món Natto, công viên Kairakuen ④ 29.7/-3.2
[Tochigi] ① Utsunomiya ② 2,014 ③ Nikko, dầu tây, trường Ashikaga ④ 31.0/-3.2
[Gunma] ① Maebashi ② 2,016 ③ cảnh đồng Ozegahara, hành tây, phố Daruma ④ 32.2/-1.3
[Saitama] ① Saitama, ② 7,090 ③ Chichibu, khoai lang, lễ hội đêm Chichibu ④ 32.6/-0.6
[Chiba] ① Chiba ② 6,098 ③ bãi biển Kujukuri, lạc, bắt trai hến ④ 30.8/-1.6
[Tokyo] ① Tokyo ② 12,758 ③ Asakusa, món nướng Monja, lễ hội Sanja ④ 31.1/-2.0
[Kanagawa] ① Yokohama, ② 8,880 ③ Hakone, củ cải Miura, Kamakura ④ 30.8/-1.9





Tại sao chọn Nhật Bản?

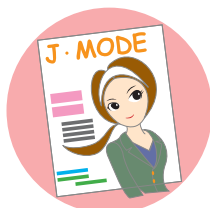
Phỏng vấn một số du học sinh đang theo học

Tại sao chọn Nhật bản?

(phỏng vấn nhiều lần)



Thứ nhất: có hứng thú về xã hội Nhật Bản và muốn sống ở Nhật **47.3** %



Thứ hai: muốn học tiếng Nhật và văn hóa Nhật Bản..... **45.0** %

Thứ ba: muốn học và nghiên cứu tại các trường đại học Nhật Bản..... **29.9** %

Thứ tư: muốn học nghề có liên quan tới Nhật Bản **28.8** %

Thứ năm: do người thân, bạn bè, gia đình khuyên..... **27.9** %



Thứ sáu: có lĩnh vực chuyên môn ưa thích **23.6** %

Thứ bảy: muốn tiếp xúc với nền văn hoá khác **21.6** %

Thứ tám: gần với nước mình..... **21.2** %



Thứ chín: có thể tìm được học bổng..... **4.8** %

Thứ mười: do các văn bản được ký kết giữa hai trường..... **3.8** %

Khi nào hạt giống nhỏ của “niềm đam mê Nhật Bản” được gieo trong lòng bạn? Lúc nhỏ bạn đã xem truyện tranh Nhật Bản? Bạn đã nghe nhạc POP? Bạn đã xem một bộ phim truyền hình của Nhật Bản? Gần nhà bạn có người quen đã đi du học tại Nhật Bản? Hay là lần đầu tiên bạn mua đồ điện tử của Nhật Bản? Một chiếc ô tô của Nhật Bản đi trên đường phố? Những quyển tạp chí thời trang của Nhật Bản được bày trong hiệu sách? Hay những món ăn Nhật Bản được yêu thích gần đây?

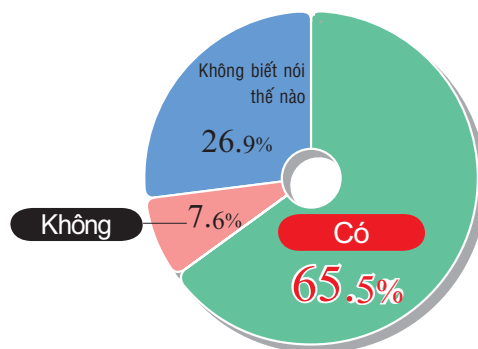
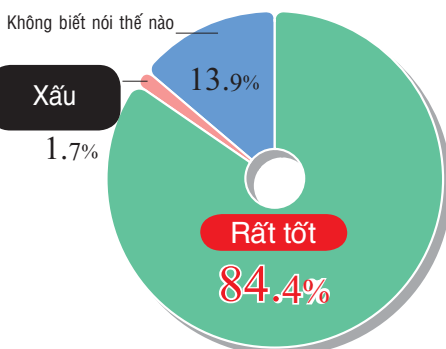
Trong lúc chưa biết những điều đó, “Nhật Bản” đã đem lại hạnh phúc cho bạn trong cuộc sống hàng ngày. Những điều đó đã hình thành trên nền tảng truyền thống văn hoá và nền công nghệ cao của Nhật Bản.



Phỏng vấn cựu du học sinh đã từng học tại Nhật

Ấn tượng ở Nhật?

Có nên du học Nhật Bản không?





Lý do để tôi quyết định chọn đi học tại Nhật Bản

“Tại sao lại chọn Nhật Bản?” Hãy nghe ý kiến các sinh viên khoá trước
(Năm học, cơ quan tính đến năm 2007)



Thạc sĩ năm thứ hai, Chuyên ngành Kinh tế Quốc tế
Khoa sau đại học châu Á Thái Bình Dương, Đại học Waseda



Việt Nam

Tran Hoai Vu

Những năm còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, tôi đã có dịp tìm hiểu đất nước Nhật Bản qua những cuốn sách lịch sử thế giới. Điều mà khiến tôi rất bất ngờ là tại sao ngay từ thế kỷ 19, với cải cách Minh Trị, Nhật Bản đã bắt đầu con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội dựa trên nền tảng tri thức, tiếp thu học hỏi công nghệ tiên tiến nhưng đồng thời vẫn duy trì bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Ngạc nhiên hơn nữa đó là so với các nước châu Á khác, Nhật Bản đứng dậy mạnh mẽ từ đống đổ nát của chiến tranh, đạt được tăng trưởng cao độ và thần kỳ trong thời gian ngắn. Những câu hỏi đó thôi thúc tôi, ấp ủ trong tôi một giấc mơ được đặt chân đến xứ sở hoa anh đào tươi đẹp mong tìm ra lời giải đáp. Sau này khi có điều kiện học tập và sinh sống tại Nhật Bản, tôi hiểu rằng bí quyết đó chính là sự kết tinh của đức tính sáng tạo, sự chăm chỉ cần cù của con người Nhật Bản với công nghệ hiện đại. Hiện nay, tôi đang nghiên cứu về các vấn đề chuyển giao công nghệ của Nhật Bản sang các nước Đông Nam Á. Hi vọng rằng với vốn kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được tại đất nước Phù Tang sẽ là hành trang cho tôi trở về góp phần xây dựng nước nhà.



Lưu học sinh trao đổi, khoa giáo dục quốc tế,
Đại học giáo dục quốc tế.



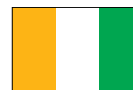
Trung Quốc

Zhang Ru

Hai nước Trung Quốc và Nhật Bản có vị trí địa lý chỉ cách nhau một eo biển, đã có hơn 2000 năm lịch sử giao lưu với nhau. Bản thân tôi rất muốn nỗ lực bằng chính sức mình để tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước và tôi đã quyết định đi Nhật học. Nhật Bản là đất nước hòa bình, cuộc sống yên ổn. Đi tới đâu cũng thấy đẹp và có cảm tình sâu sắc. Điều tôi cảm thấy rõ nhất là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hoá lâu đời với hiện đại. Tôi muốn được học văn hoá Nhật Bản - nền văn hoá được tạo bởi văn hoá truyền thống và văn hoá châu Âu. Cuộc sống của trường Đại học giáo dục Quốc tế thật đầy đủ. Không chỉ được học trên lớp mà còn được sống cùng với người dân và học được nhiều ở họ. Tôi không thể nào quên được những ngày sống ở Nhật.



Năm thứ 3, Khoa Công nghệ, Đại học Gunma
Tốt nghiệp khoa mạng máy tính, chuyên ngành công nghiệp,
trường chuyên nghiệp công nghệ Nhật Bản.



Cote d'Ivoire

Atungblue Kuak Jean Murc

Tôi chọn Nhật Bản vì Nhật Bản là nước công nghiệp tiên tiến, bản thân tôi muốn tiếp thu kiến thức kinh tế, công nghệ thông tin tiên tiến của Nhật Bản. Hơn nữa, tôi muốn hiểu sâu hơn văn hoá Nhật. Tôi nghĩ rằng những gì học được ở Nhật Bản sẽ giúp cho sự phát triển của đất nước chúng tôi. Tôi rất thích máy tính, và thích những nét riêng biệt. Tôi đã gặp và học được kỹ thuật tiên tiến về nền văn hoá độc đáo, đặc sắc của Nhật Bản. Ví dụ có những nghệ nhân chuyên vẽ sơn mài đã giới thiệu tỉ mỉ cho tôi về kiểu dáng của chiếc nhẫn truyền thống Nhật Bản. Tôi rất cảm phục trước tài nghệ của các thầy cô ở trường chuyên nghiệp dạy nghề mà tôi đã tốt nghiệp mùa xuân vừa rồi. Các thầy cô đã cho tôi những lời khuyên chân thành về xã hội và tương lai của tôi. Tôi xin cảm ơn các thầy cô đã dành nhiều thời gian quý báu cho tôi. Tôi mong rằng sẽ được nghiên cứu về an ninh mạng tại Đại học Gunma và sẽ về nước giảng dạy cho lớp trẻ.



Năm thứ 4, bộ môn công nghệ hệ thống
máy, khoa công nghệ Đại học Takushoku



Malaysia

Nor Liana Binti Sall

Lý do lớn nhất tôi chọn Nhật bản là muốn học khoa học công nghệ. Như các bạn đã biết Nhật Bản là đất nước thích hợp nhất để học công nghệ. Vì vậy, tôi đã bàn với bố mẹ xin học bổng sang Nhật. Hơn nữa, tôi cũng rất muốn biết đất nước con người, tiếng Nhật và món ăn Nhật Bản. Ở Malaysia tôi đã xem nhiều phim truyền hình Nhật, và nghĩ rằng tiếng Nhật rất hay và thú vị. Món ăn trông rất ngon, rất muốn ăn và thế là tôi sang Nhật. Một lý do nữa là tôi muốn thử nghiệm môi trường học tập mới. Tôi đến Nhật đã được 2 năm. Có những điều thoải mái nhưng cũng nhiều khó khăn. Tôi sẽ cố gắng vượt qua những khó khăn đó để cuộc sống có giá trị hơn.

Nhật kí của các sinh viên khóa trước ①

Cuộc sống hàng ngày của du học sinh như thế nào? Giờ học thực tế ra sao? Để trả lời thắc mắc của các bạn, chúng tôi đã phỏng vấn các sinh viên khoá trước. Chúng ta hãy lắng nghe ý kiến của những du học sinh đang cố gắng thực hiện ước mơ của mình trên đất nước Nhật Bản.

(Năm học, cơ quan tính đến năm 2007)

Những kinh nghiệm có giá trị làm tăng cường mối quan hệ giữa Nhật Bản và Hy Lạp

Năm thứ nhất Tiến sĩ chuyên ngành hóa cộng sinh, khoa nghiên cứu khoa học tiên tiến.

Giannakopoulou Parthenia (Hy Lạp)

Chuyên môn của tôi là nghiên cứu khảo cổ học và nhân chủng học. Tôi thấy Nhật Bản và Hy Lạp có nét tương đồng nên tôi muốn hiểu sâu hơn về mối quan hệ đó. Cuộc sống ở Nhật Bản là kinh nghiệm quý báu không có gì so sánh được. Văn hoá, tính đa dạng của cuộc sống, những thiết bị nghiên cứu tuyệt vời cộng với môi trường hữu nghị. Tất cả những điều đó là những kinh nghiệm có giá trị trên nhiều mặt trong sự nghiệp nghiên cứu của tôi.



- 7:30**
Ăn sáng, Nào, lên đường!
Không thích ăn sáng lắm... Nhưng thôi ăn một tý rồi đến trường!
- 10:00**
Khoa học, kỹ thuật và xã hội
Thật là giờ giảng hấp dẫn. Công hay tội cho sự phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay?
- 12:00**
Ăn trưa!
Thật vui khi thành thời được vừa ăn vừa nói chuyện với bạn bè!
- 13:00**
Nghiên cứu, nghiên cứu rồi lại nghiên cứu
Chỉ vui đầu vào nghiên cứu, tìm tài liệu, tập hợp các thông tin liên quan tới đề tài
- 18:30**
Thỉnh thoảng vận động một tý!
Nhẹ nhàng thoải mái, thay đổi không khí chỉ có đi bộ là tốt nhất!
Đây là môn vận động thích hợp nhất cho cơ thể và tâm hồn.
- 21:00**
Tiếp tục nghiên cứu ở nhà
Ăn nhẹ bữa tối xong, kết thúc buổi làm việc ngày hôm nay để chuẩn bị ngày mai lên lớp.
- 23:30**
Thời gian ngủ
Thật là miễn nguyện. Vì ngày mai tươi sáng!

Có cơ hội ... sang học ở trường phổ thông trung học

Năm thứ 2, bộ môn kinh tế, khoa kinh tế, Đại học Nanzan

Lamsonbuti Pattawee (Thái Lan)

Thời còn học phổ thông trung học tôi đã có dịp được học 01 năm ở Nhật. Với kinh nghiệm đó tôi chuẩn bị cho chuyến du học lần này Tôi muốn vào trường đại học của Nhật Bản để học tiếng Nhật và những kiến thức kinh tế. Điều hơn nhất là phải yêu quý nước Nhật. Bây giờ tôi là sinh viên năm thứ 2 khoa kinh tế, đại học NanZan. Bận suốt ngày nhưng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu Nhật Bản không phải chỉ trong giờ lên lớp mà cả trong tiếng Nhật, văn hoá và cách nghĩ của người Nhật để hiểu sâu hơn.



- 7:00**
Trong xe điện....
Mùa đông với tấm chăn bông dày, ấm thật là khó dậy. Vội vàng ăn xong rồi đến trường. Thật thú vị khi được ngủ gật trên xe điện!
- 9:00**
Giờ học thật vất vả!
Phải mất một tiếng đồng hồ mới tới trường! Dậy sớm đối với tôi thật khó nhưng vẫn phải cố gắng nghe giảng. Vừa nghe vừa ghi chép. Có giờ giảng thật dễ nghe và thú vị, nhưng cũng có giờ thật vất vả đối với những lưu học sinh nước ngoài như tôi.
- 12:30**
Ăn cơm ở trường
Đến trưa thì bụng đã đói cồn cào! Có hôm ăn tại nhà ăn của trường, nhưng cũng có hôm mang cơm đi. Ăn ở đâu thì tùy theo ý thích. Còn ăn ở trường dứt khoát là món ca-ri-korokke.
- 19:00**
Phim truyền hình hay thật!
Các giờ buổi chiều tùy theo ngày có khác nhau, có ngày học tiếng Nhật đến 19 giờ tối. Thật là vất vả khi học tới giờ này! Về nhà ăn cơm tối, đi tắm và xem phim truyền hình nhiều tập mình ưa thích.
- 23:00**
Đã hết một ngày! Nhanh thật
Chuẩn bị bài vở ngày mai, viết nhật ký và đi ngủ. Sao một ngày lại trôi đi nhanh thế!
Ngày mai lại cố gắng!
Ngủ ngon

Chương

2

Tìm hiểu các bước du học

Kế hoạch du học

T12

Lịch trình

T14

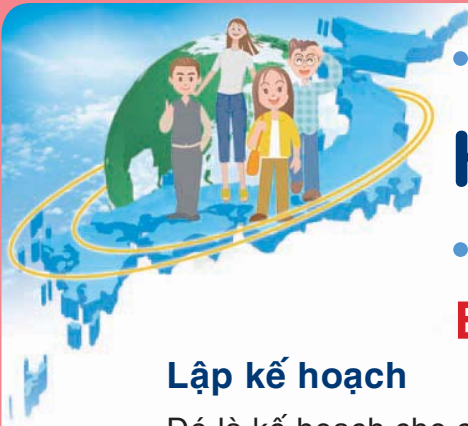
Thu thập thông tin

T16

Lựa chọn trường

T18





Kế hoạch du học 4W2H

Bắt đầu từ đâu?

Lập kế hoạch

Đó là kế hoạch cho cuộc đời của bạn. Giấc mơ của bạn? Bạn muốn làm gì?
Du học không phải là mục đích cuối cùng, nhưng đó là bước đầu tiên để biến giấc mơ thành hiện thực.



Why

Tại sao

MỤC ĐÍCH du học?

Bạn cần có tư cách, năng lực gì
cho nghề nghiệp tương lai?

Where

Ở đâu

Học ở

TRƯỜNG nào?

1 Học vị, danh hiệu	Cử nhân	⇒	Đại học	⇒
	Thạc sĩ	⇒	Cao học	⇒
	Tiến sĩ	⇒	Cao học	⇒
	Cử nhân hệ ngắn hạn	⇒	Cao đẳng	⇒
	Chuyên gia	⇒	Trường dạy nghề	⇒
	Chuyên gia cao cấp	⇒	Trường dạy nghề	⇒
2 Thử nghiệm học ngắn hạn	Du học ngắn hạn	⇒	Trường tiếng Nhật, chương trình ngắn hạn đại học	⇒
	Du học trao đổi	⇒	Đại học	⇒
3 Học tiếng Nhật	Học tiếng	⇒	Trường tiếng nhật	⇒
	Học tiếp	⇒	Trường tiếng Nhật	⇒
		⇒	Khoa tiếng Nhật dành cho du học sinh đại học tư	⇒

When

Khi nào

Khi nào lên đường?

Bắt đầu từ bao giờ? Chuẩn bị thế nào?



Xem trang 14,15 "Lịch trình" và xây dựng kế hoạch!



Mất bao nhiêu
THỜI GIAN?



Muốn học gì?
Hãy suy nghĩ kỹ
CHUYÊN NGÀNH, LĨNH VỰC



4 năm ~ 6 năm	➡
2 năm ~	➡
3 năm ~	➡
2 năm ~ 3 năm	➡
2 năm ~ 3 năm	➡
4 năm	➡
Vài tháng ~ 1 năm	➡
Trong vòng 1 năm	➡
Vài tháng ~ 2 năm	➡
Vài tháng ~ 2 năm	➡
1 năm ~ 2 năm	➡

Kinh tế? Y học?
Nông học? Thiết kế?
Giáo dục?
Công nghệ thông tin?
Phim hoạt hình?



Tiếng Nhật?
Văn hoá Nhật?
So sánh văn hoá?

Nói tiếng Nhật?
Tiếng Nhật thương mại?
Khóa học tiếp tiếng Nhật?



Mất bao nhiêu tiền?

Vé máy bay? Sinh hoạt phí? Tiền nhà? Tiền ăn?
Tiền gửi tiết kiệm có đủ không? Gửi tiền từ nhà? Làm thêm? Học bổng?



Xem trang 41-46 và thử tính!



Từ khi lập kế hoạch du học đến khi sang Nhật

KẾ HOẠCH 1		KẾ HOẠCH 2		KẾ HOẠCH 3	
BẮT ĐẦU		BẮT ĐẦU		BẮT ĐẦU	
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
					
Trường tiếng Nhật					
GOAL!!		GOAL!!			
		Đại học, trường dạy nghề			
					



CÁC BƯỚC	THỜI GIAN		HÀNH ĐỘNG
1 Lên kế hoạch, thu thập các thông tin			Cụ thể hoá, xác định mục đích du học
2 Xin hồ sơ của trường dạy tiếng	Tháng 4 ～ tháng 6	Tháng 10 ～ tháng 12	Xin hồ sơ một số trường mà mình muốn
3 Chọn trường	～ tháng 9	～ tháng 2	Dựa vào tài liệu tham khảo mà chọn trường thích hợp
4 Nộp hồ sơ	Tháng 9 ～ tháng 11	Tháng 2 ～ tháng 4	Nộp hồ sơ xin học và những giấy tờ cần thiết
5 Giấy phép nhập học	Tháng 1 } Tháng 3	Tháng 7 } Tháng 9	Nhận giấy phép nhập học
6 Thủ tục xin Visa			Nhận giấy chứng nhận tư cách cư trú, xin visa
7 Chuẩn bị du học			Đóng học phí. Tìm nhà ở
8 Thủ tục bay, xuất phát			Mua vé máy bay và bảo hiểm
9 Làm thủ tục nhập học			
10 Bắt đầu nhập học, học tập	Vào học trường tiếng Nhật Tháng 4 (khóa học 1, 2 năm) Tháng 10 (khóa học 1 năm rưỡi)		
11 Xin hồ sơ của trường đại học, trường dạy nghề	Tháng 4 ～ tháng 5		Xin hồ sơ một số trường mà mình muốn
12 Chọn trường	～ tháng 6		Dựa vào tài liệu tham khảo mà chọn trường thích hợp
13 Nộp đơn thi EJU (trường hợp cần thiết)	tháng 7		Nộp đơn thi EJU (kỳ thi du học Nhật Bản)
14 Nộp hồ sơ	Tháng 8 ～ tháng 10		Gửi hồ sơ xin học và những giấy tờ cần thiết
15 Thi	Tháng 11 ～ tháng 2		Chọn hồ sơ, dự thi EJU tại Nhật Bản
16 Giấy phép nhập học	Tháng 1 } tháng 3		Nhận giấy phép nhập học
17 Làm thủ tục xin Visa			Nhận giấy chứng nhận tư cách cư trú, xin visa
18 Chuẩn bị du học			Đóng học phí, tìm nhà ở
19 Làm thủ tục chuyển đổi tư cách cư trú			
20 Thủ tục bay, xuất phát			Mua vé máy bay và bảo hiểm
21 Thủ tục nhập học			
22 Kết thúc khóa học tiếng Nhật			
23 Nhập học	Nhập học đại học, trường dạy nghề Tháng 4		✳ Có trường nhập học vào tháng 10
24 Tốt nghiệp	Tháng 3		



Khi chọn được trường, bạn cần phải vạch ra kế hoạch nghiên cứu, học tập một cách chi tiết, sau đó tham khảo tài liệu càng nhiều càng tốt. Nếu không chuẩn bị như vậy, bạn sẽ không thể học được môn mà mình yêu thích và sẽ có nhiều khoản chi phí phát sinh không cần thiết. Vì vậy, việc thu thập thông tin một cách chính xác và mới nhất sẽ là điều tất yếu không thể thiếu được trong khâu chuẩn bị.



Thông tin chung về du học Nhật Bản

(điều kiện nhập học, cách làm thủ tục, chi phí....)

Tìm kiếm
danh mục các
trường đào tạo

**Tìm kiếm
thông tin
về trường
mà bạn thích**

※ Một số trường thu lệ phí gửi tài liệu hướng dẫn và hồ sơ xin học. Bạn có thể gửi kèm theo tem nước bạn khi bạn yêu cầu gửi hồ sơ đó đến cho bạn.



Trung tâm thông tin du học Kobe Satellite

★ Trung tâm thông tin du học JASSO (Tokyo, Kobe)

Cơ quan cung cấp thông tin công Nhật bản

- Thư điện tử, mạn đàm, điện thoại, thư tin
- Hướng dẫn các trường, tóm tắt giới thiệu các trường
- Phát hành, triển lãm sách báo,
- Sách tham khảo du học Nhật
- DVD

★ **Đại học**

- Hướng dẫn các trường đại học
- Một số điều cần biết khi tuyển sinh
- Trang chủ

Nên hỏi trực tiếp nếu muốn có thông tin mới nhất.

★ Hiệp hội các trường chuyên nghiệp, dạy nghề toàn quốc

- Mạng giáo dục nghề nghiệp <http://www.shokugyoukyouiku.net/>

★ Hiệp hội các trường chuyên nghiệp và dạy nghề Tokyo

 <http://www.tsk.or.jp/>

- Tìm khoa, các lớp đào tạo <http://www.from-now.jp/>

★ Trường dạy nghề

- Hướng dẫn các trường đại học
- Một số điều cần biết khi tuyển sinh,
- Trang chủ

Nên hỏi trực tiếp nếu muốn có thông tin mới nhất.

★ Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật

 <http://www.nisshinkyo.org/>

★ Khoa đặc biệt tiếng Nhật cho lưu học sinh tại các trường đại học tư

 http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/bekka.pdf

★ Quá trình giáo dục dự bị đại học

 http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/junbi.pdf

★ Trường tiếng Nhật

- Hướng dẫn các trường đại học,
- Một số điều cần biết khi tuyển sinh
- Trang chủ

Nên hỏi trực tiếp nếu muốn có thông tin mới nhất.

Nguồn thông tin

★ JASSO website

🔗 <http://www.jasso.go.jp/ryugaku/>

Đây là các thông tin chính cho du học Nhật Bản

- Các trường • Học bổng • Thi nhập học • Cuộc sống • Triển lãm du học

"Student Guide to Japan" tiếng Nhật, Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam

- Hướng dẫn du học Nhật Bản

★ Study in Japan

🔗 <http://www.studyjapan.go.jp/>

Đây là các thông tin chính cho du học Nhật Bản

- Học bổng chính phủ Nhật bản • Các sự kiện
- Hội cựu lưu học sinh • Thư từ của những người từng du học

Nhật, Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Ả Rập

★ Japan Study Support

🔗 <http://www.jpss.jp/>

- Thông tin về sinh hoạt • Tìm kiếm các trường,
- Tìm kiếm học bổng • Thông tin thi vào trường Nhật, Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Tại nước ngoài



★ Văn phòng đại diện tại nước ngoài của JASSO (bìa sau)

Trung tâm thông tin giao lưu giáo dục quốc tế Nhật Bản
Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia

- Thư điện tử • Mạn đàm • Điện thoại • Thư tín
- Hướng dẫn các trường • Sách tham khảo du học Nhật

★ Các nơi công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật

Bạn hãy đến những địa chỉ gần nhất (trang 50)

- Giới thiệu các trường • Sách tham khảo du học Nhật



★ Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán Nhật Bản

Bạn có thể tìm được những thông tin cần thiết và tài liệu có liên quan tới du học tại những nơi này. Có những chỗ trao đổi về du học

- Danh sách các cơ quan đại diện tại nước ngoài

🔗 <http://www.mofa.go.jp/mofaj/link/index.html>

★ Triển lãm du học Nhật Bản, Hội thảo du học Nhật Bản

Do JASSO chủ trì (dự kiến năm 2009)

- Triển lãm (với sự tham gia của các trường Đại học) Mỹ, Đài Loan, Indonesia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Malaysia.
- Hội thảo (JASSO, Hội cựu lưu học sinh, Đại sứ quán Nhật Bản chủ trì)
Bangladesh, Mông Cổ, Sri Lanka, Miến Điện, Trung Quốc, Philippin.

★ Những người có kinh nghiệm du học

Bạn hãy thu thập thông tin qua những người đã từng du học Nhật Bản. Tùy theo mỗi nước Hội cựu lưu học sinh sẽ cung cấp các thông tin cho bạn.



- Địa chỉ liên hệ Hội cựu lưu học sinh

🔗 <http://www.studyjapan.go.jp/jp/ath/ath0201j.html>

★ Bộ giáo dục các nước sở tại

Tùy theo mỗi nước cũng có thể thu thập thông tin ở Bộ giáo dục hay các cơ quan cung cấp thông tin du học của nước sở tại.





Chọn trường

Q Làm thế nào chọn được trường phù hợp với mình?

A “Học ở đâu cũng được, cứ vào đã”, việc chọn trường không cần tìm hiểu kỹ về trường đó sẽ gây **lãng phí công sức, thời gian và tiền của**. Có nhiều trường hợp “vào học rồi mới nhận thấy trường này không tốt, những gì mình muốn học thì không được học. Giá như mình tìm hiểu kỹ hơn về các trường thì đâu đến nỗi này”... Có hối hận thì cũng đã muộn. Các bạn hãy thận trọng khi chọn trường!

Chú ý

- * **Lĩnh vực muốn học...** Cái mà bạn muốn học là gì?... Tìm hiểu nội dung giờ học đó có thể học được hay không?
- * **Năng lực bản thân...** Hãy chọn trường phù hợp với năng lực của mình. Tùy theo kết quả của kỳ thi nhập học, cũng có trường hợp bạn không thể vào được trường như mong muốn, vì vậy bạn nên dự thi vào nhiều trường khác nhau.
- * **Hãy điều tra kỹ** về trường có thể học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp, con đường lập nghiệp trong tương lai?
- * **Các trường học nổi tiếng** phù hợp với bạn thì không thiếu! Tùy từng lĩnh vực khác nhau mà các bạn nên tìm hiểu kỹ về nét đặc trưng của từng trường.

Lưu ý khi chọn trường đại học

Hãy xếp thứ tự ưu tiên các trường! Đối với bạn trường nào là số một?

① Nội dung giờ giảng

Giờ học mà bạn thực sự muốn học có không? Bạn có thể theo học được không?

② Kỳ thi nhập học

Môn học là gì? Môn học xuất sắc của bạn là môn nào?

③ Học phí, các khoản chi tiêu thiết khác

Mất bao nhiêu tiền? Bạn có thể chi trả học phí cho đến khi bạn tốt nghiệp không?

④ Học bổng và trợ giúp tài chính

Có chế độ học bổng hay chế độ giảm học phí hay không? Tỷ lệ là bao nhiêu?

⑤ Chương trình tiếng Nhật

Có chương trình dạy bằng tiếng Nhật hay không?

⑥ Chương trình đặc biệt dành cho du học sinh

Có khóa học nào có thể lấy học vị bằng tiếng Anh không?

⑦ Nơi ở

Có nhà ở hay kí túc xá không? Có thể giới thiệu thuê nhà không?

⑧ Người giúp đỡ

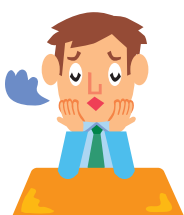
Có người giúp đỡ sinh hoạt và học tập không?

⑨ Thiết bị nghiên cứu

Có đầy đủ thiết bị nghiên cứu hay không?

⑩ Môi trường sống tại nơi đó

Có yên tĩnh hay không? Thành phố hay địa phương?



Q Các trường đại học Nhật Bản có bảng xếp hạng không?

A Không có bảng xếp hạng cho các trường đại học công tại Nhật Bản.

Học sinh bậc phổ thông trung học Nhật Bản cho rằng có mức độ khó nhất định khi thi vào các trường đại học, nhưng đó không phải là biểu thị chất lượng và đẳng cấp của các trường.

Một số nhà xuất bản, báo chí công bố những tiêu chí riêng, tuy nhiên có sự thay đổi do cách đặt tiêu chí. Vì vậy, bạn nên chọn trường nào hợp với nguyện vọng mình nhất và theo chuẩn mực riêng của mình.



Q Tại sao du học sinh lại tập trung đông tại các vùng quanh các thành phố lớn như Osaka và Tokyo? (Xem trang 55)

A Vì quanh các thành phố lớn phương tiện giao thông và mua sắm rất tiện lợi, có nhiều trò giải trí, nhiều việc làm thêm, người quen đông v.v... Theo như lời kể của một số sinh viên đã học ở các vùng xa thành phố thì ở địa phương có những ưu điểm riêng như: giá sinh hoạt và giá thuê nhà rẻ hơn các thành phố lớn, lớp học ít sinh viên, có nhiều chương trình đặc sắc, có thể gần gũi sinh hoạt với người dân địa phương, thiên nhiên phong phú, không khí và nước sạch, nắm bắt được cuộc sống sinh hoạt truyền thống v.v... Vì vậy, bạn nên cân nhắc không chỉ chọn các trường ở quanh các thành phố lớn như Osaka và Tokyo mà bạn nên mở rộng ra các địa phương khác trên nước Nhật.

Những điều lưu ý khi chọn trường học tiếng

Bạn hãy chọn theo các thứ tự ưu tiên! Theo bạn trường nào là số một?

① Nội dung khoá học	Khoá học bình thường? Khoá học để học đại học? Khoá học để học lên cao học? Khoá học để học các trường dạy nghề? Khoá học tiếng Nhật thương mại? Khoá học ngắn hạn? Hay học một thầy một trò? Chú ý: Những người đã hoàn thành xong 10 năm hay 11 năm bậc phổ thông muốn học tiếp lên cao thì phải chọn "khoá dự bị thi vào đại học" (xem trang 24)
② Sắp xếp trình độ	Các trường có phân chia lớp theo trình độ năng lực tiếng Nhật của học sinh hay không?
③ Chương trình học cơ bản	Có giờ học về các chương trình cơ bản (tiếng Anh, toán, vật lý, hoá học, xã hội v.v.....) dành cho những người muốn học tiếp lên hay không?
④ Số tiết học	Khoá học nửa ngày hay cả ngày sẽ tốt cho bạn?
⑤ Môi trường học	Giao thông có thuận tiện không?
⑥ Ký túc xá, trang thiết bị nơi ở	Có kí túc xá riêng hay không? Có giới thiệu nhà ở cho sinh viên không?
⑦ Việc học tiếp, giúp đỡ sinh hoạt	Có trao đổi về cuộc sống và việc học tiếp lên hay không?
⑧ Hướng đi của các học sinh sau khi tốt nghiệp	Hướng đi tương lai của các sinh viên khoá trước thế nào? Các sinh viên có đổ vào các trường mà họ muốn không?
⑨ Tiêu chuẩn giáo dục	Điểm thi của kỳ thi năng lực tiếng Nhật và kỳ thi du học Nhật Bản các sinh viên khoá trước là bao nhiêu?
⑩ Số lượng giáo viên	Tỉ lệ giáo viên với học sinh ra sao? Tỉ lệ giáo viên chính thức với giáo viên không chính thức là bao nhiêu?
⑪ Học phí	Số giờ học, số lượng giáo viên, thiết bị v.v....có phù hợp với giá tiền không?
⑫ Tuyển chọn vào học	Xét hồ sơ hay phỏng vấn trực tiếp người bảo lãnh? Có tổ chức xét tuyển tại nước ngoài hay không?
⑬ Tư cách cư trú	Tư cách cư trú là "Du học" hay "Đi học"?
⑭ Tỉ lệ sinh viên của các nước đi du học Nhật Bản	Sinh viên thuộc các nước có sử dụng chữ Hán nhiều hay ít? Đối với các nước sinh viên thuộc các nước không sử dụng chữ Hán có được quan tâm không?

Nhật ký của các sinh viên khóa trước ②

Cuộc sống hàng ngày của du học sinh như thế nào? Giờ học thực tế ra sao? Để trả lời các thắc mắc của các bạn, chúng tôi đã trao đổi với các sinh viên khoá trước. Chúng ta hãy bắt đầu hỏi những du học sinh đang cố gắng thực hiện ước mơ của mình trên đất nước Nhật Bản.

(Năm học, cơ quan tính đến năm 2007)

Học vẽ tranh Manga, hoạt hình qua cuộc sống Nhật Bản

Năm thứ 2, khóa phát triển trí tuệ (vẽ tranh Manga, phim hoạt hình)
Bộ môn chiến lược thương mại, khoa kinh tế, Đại học Tokuyama

Goo Hanbyul (Hàn Quốc)

Tôi đã học làm phim hoạt hình ở Hàn Quốc và có ấn tượng rất sâu sắc với tác phẩm Quả bóng Dragon của họa sĩ Toriyama Akira. Chính vì vậy tôi muốn sang Nhật Bản. Tôi rất cảm kích khi nhận được sự giúp đỡ ân cần của các thầy cô giáo - những nhà Manga nổi tiếng của Nhật Bản. Tôi rất sung sướng khi được học lịch sử Manga, phim hoạt hình của Nhật Bản, được tiếp xúc với những tác phẩm vô danh của những tác giả nổi tiếng. Trong các giờ lên lớp của các đạo diễn giỏi, tôi đã thấy được điều đó. Chính vì thế tôi không chỉ học ở nhà trường mà còn học qua các cuộc giao lưu với các bạn người Nhật, đi làm thêm, hay sống cùng người Nhật. Thông qua cuộc sống đời thường mà tôi học cách vẽ Manga và phim hoạt hình.



23:00
Giờ ngủ
Chuẩn bị bài ngày mai và đi ngủ.

9:00
Nấu cơm!
Tôi ăn món tảo biển và Natto Hàn Quốc. Thế là xong bữa sáng.

11:00
Giờ "Cố gắng làm phim hoạt hình"
Đề tài hôm nay là "Bạn hãy làm bộ phim hoạt hình có một sức sống mãnh liệt". Có thể nói rằng hoạt hình nói chung đã mang dáng dấp phong cách hoạt hình kiểu Nhật Bản. Nó đã vượt khỏi nước Nhật để mọi người trên thế giới ưa thích! Hay thật

12:30
Ăn cơm trong rừng hoa anh đào.
Bao giờ cũng ăn cơm trưa ở trường. Nước sốt rưới vào món cá rán ngon tuyệt. Tháng 4 ở Nhật hoa anh đào nở rộ. Nhìn qua cửa sổ cả biển trời màu hồng nhạt, cảm tưởng như ăn cơm trong rừng hoa anh đào.

13:10
Giờ học tiếng Nhật
Để hiểu căn cứ giờ giảng thì cần phải có trình độ tiếng Nhật giỏi. Thôi cố lên!

14:40
Kết thúc buổi học
Đi thư viện. Sau đó đến phòng máy tính

16:20
Nghỉ một chút.
Đến giờ đi làm thêm vẫn còn một chút thời gian, tôi trở về nhà xem Tivi hay đọc sách

19:00
Tên thân mật được gọi "Hanbei"
Khi đi làm thêm ở cửa hàng được đặt tên là "Hanbei" theo kiểu Nhật Bản.

Đang học ở thành phố tuyết Sapporo

Học viện tiếng Nhật quốc tế Sapporo
Fabrizio Bifolch (Italia)

Thời còn ở phổ thông trung học tôi đã thích văn hóa châu Á. Trong các văn hóa châu Á tôi thấy văn hóa Nhật Bản là hay nhất thông qua Manga, phim hoạt hình, võ đạo vv... Khi 18 tuổi bố mẹ tôi đã xin cho tôi đi hoạt động tình nguyện ở Yamanashi 10 ngày. 10 ngày không có tivi, không máy tính, không điện thoại, tôi cảm như sang thế giới khác. Khi trở về Bỉ tôi muốn quay lại ngay Nhật Bản. Trước khi tốt nghiệp phổ thông trung học, với lý do được khen 03 năm cố gắng, tôi đã xin bố mẹ cho tôi sang Nhật học tiếng Nhật và văn hóa Nhật 1 năm. Thế là mùa xuân năm ngoái tôi đến Sapporo. Lý do đến Sapporo rất đơn giản là chỉ muốn ngắm tuyết trắng.



8:00
Không kịp ăn sáng ở nhà
Dậy, tắm rửa. Ăn sáng ở nhà ăn sinh viên.

8:35
Nhà ở gần trường
Đi xe điện đến trường

9:00
Bắt đầu học
Giờ học bắt đầu. Mỗi ngày có 4 tiết, giờ nghỉ thường hay nói chuyện với thầy.

12:30
Thời gian trao đổi với các bạn đến tận chiều tối.
Tan học. Tôi ngồi ở sảnh làm bài tập, nói chuyện với các bạn

18:00
Chơi thể thao và võ Thiếu Lâm, toát cả mồ hôi
Trong trường có câu lạc bộ thể thao. Tôi tham gia câu lạc bộ này, thứ tư chơi thể dục dụng cụ, thứ năm và thứ sáu tập võ Thiếu Lâm.

21:45
Thời gian nghỉ ngơi ở ký túc xá
Trở về ký túc xá ăn cơm tối. Xem DVD hoặc nói chuyện với bố mẹ anh chị đang sống ở Bỉ qua mạng.

0:00
Đi ngủ
Đi tắm rồi lên giường

Chương

3

Những điều cần biết về nhà trường

Hệ thống giáo dục của Nhật Bản T22

Các cơ quan giáo dục tiếng Nhật T24

Đại học, cao đẳng T26

Kỳ thi du học Nhật Bản T30

Cao học T32

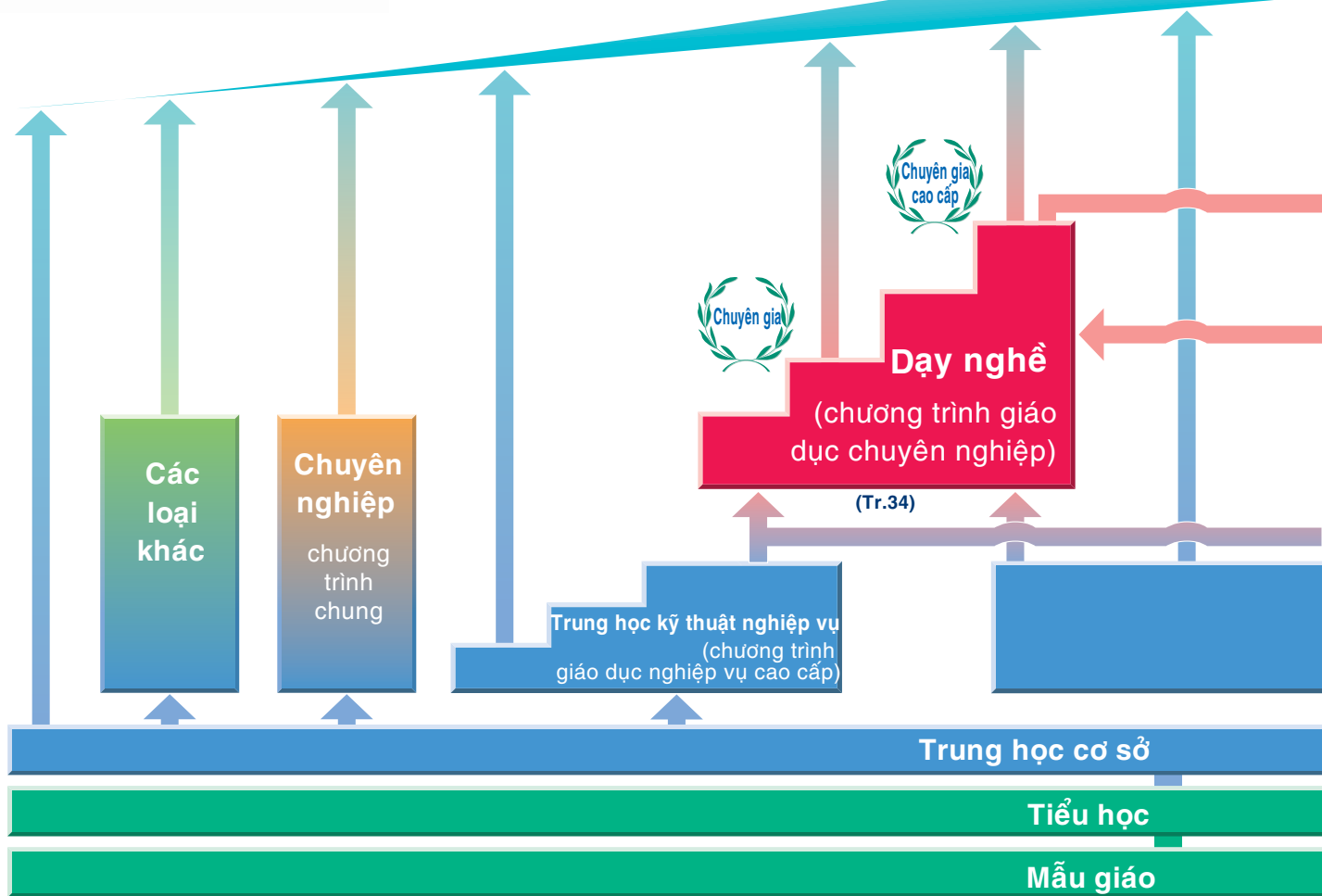
Trường dạy nghề T34

Các trường khác T36



Hệ thống giáo dục của Nhật Bản

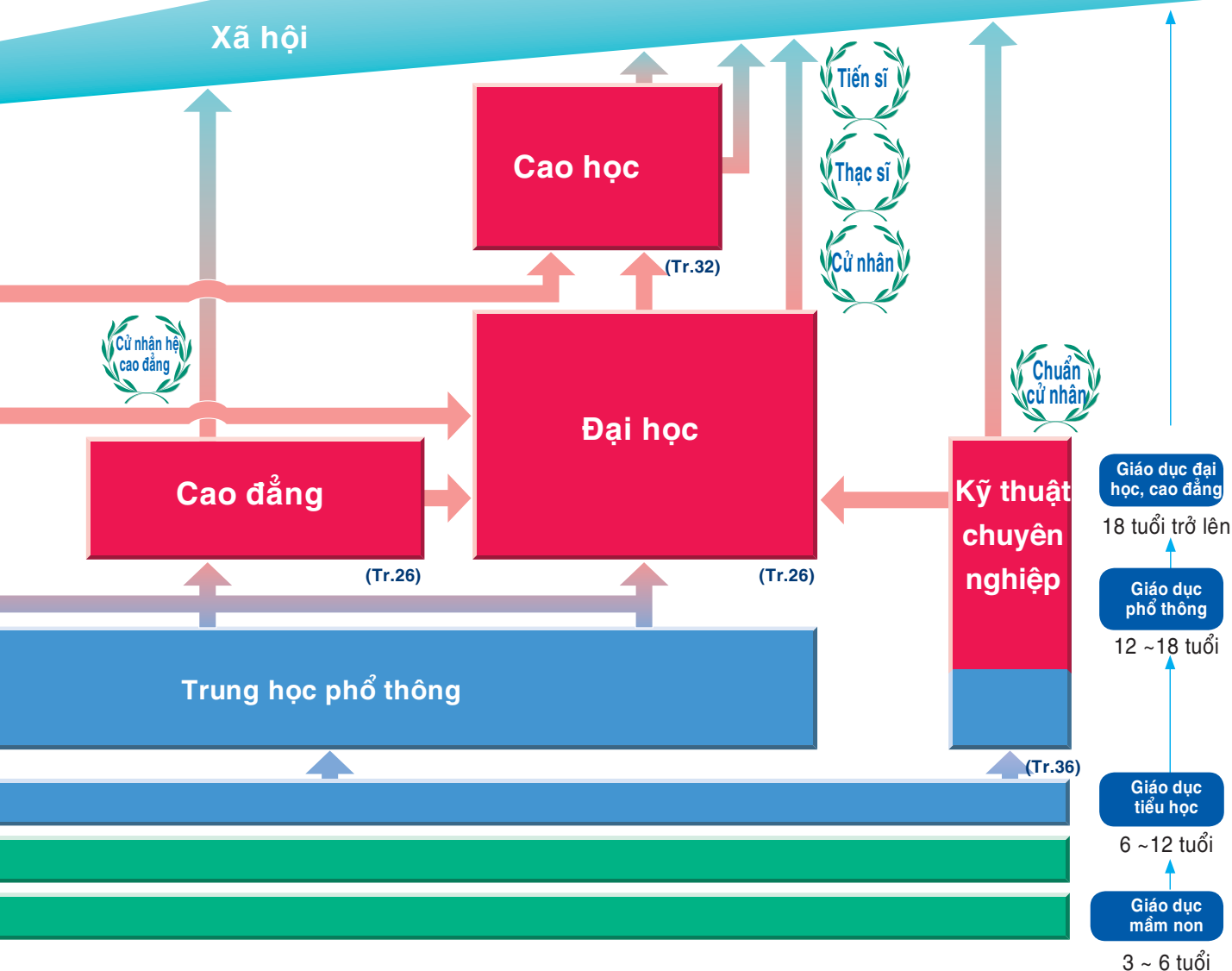
Giáo dục phổ thông của Nhật Bản bao gồm: 6 năm tiểu học, 3 năm trung học cơ sở, và 3 năm trung học phổ thông, tất cả là 12 năm. Các trường du học sinh có khả năng vào học bao gồm 5 loại trường ① Trường kỹ thuật nghiệp vụ, ② Trường dạy nghề (tr34) ③ Cao đẳng, ④ Đại học, ⑤ Cao học. Các trường quốc lập, công lập và tư lập được phân chia rõ rệt.



Trong hệ thống giáo dục Nhật Bản, năm học bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Một năm học chia làm 2 kỳ, học kỳ 1 bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ 2 bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường có chế độ nhập học vào mùa thu (nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10). Thông thường một năm học có 3 kỳ nghỉ: nghỉ hè (từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 9), nghỉ đông (từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 1), nghỉ xuân (từ tháng 2 đến tháng 3).



 Các trường mà du học sinh có thể theo học



◆ Số trường cao đẳng, đại học quốc lập, công lập và dân lập

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Trường kỹ thuật	55	6	3	64
Trường dạy nghề	11	202	2,755	2,968
Cao đẳng	2	29	386	417
Đại học	86	90	589	765
Cao học	85	76	443	604

Nguồn: Bộ giáo dục và khoa học điều tra năm 2008

* Bao gồm cả hệ đại học từ xa trong trường đại học tư.

Các cơ quan giáo dục tiếng Nhật

Q Có bắt buộc phải học tiếng Nhật để vào học các trường tại Nhật Bản không?

A Về cơ bản, tại các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng của Nhật Bản, tất cả các khoa đều dạy bằng tiếng Nhật. Để theo học được các chương trình của nhà trường, sinh viên nước ngoài cần phải có năng lực tiếng Nhật tương đương với trình độ tiếng Nhật cấp 1 hay cấp 2, khoảng 600 đến trên 900 tiết. Học tiếng Nhật tại đất nước của bạn để đạt được đến trình độ như thế này thì phải mất vài năm, tùy theo lực học của từng người mà thời gian học có thể ngắn đi. Nếu tập trung học tại Nhật thì cũng phải mất 1 đến 2 năm.

Thoáng qua bạn cho rằng tốn thời gian vô ích, nhưng bạn thấy có nhiều mặt lợi không? Nếu bạn sử dụng tiếng Nhật một cách thành thạo chắc chắn bạn sẽ biết được nhiều thông tin và các kiến thức bổ ích khác. Khi giao tiếp với người Nhật, tìm việc trong tương lai, kĩ năng này đã cho bạn thấy được một thế giới bao la. Trong thời đại hiện nay, sử dụng được tiếng Anh là một điều tất yếu, nhưng nếu bạn sử dụng được một ngôn ngữ khác nữa thì giá trị của bạn sẽ tăng lên rất nhiều.



Lời khuyên ①

Có khóa học nào bằng tiếng Anh không?

Hiện nay các khóa học lấy bằng cấp bằng tiếng Anh tăng lên rất nhiều.

http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/degree_english.pdf

Lời khuyên của các sinh viên khoá trước

Đầu tiên tôi không thích học tiếng Nhật vì tiếng Nhật quá khó. Thế nhưng khi sử dụng được tiếng Nhật một cách thành thạo tôi có thể tiếp xúc với nhiều người Nhật, hiểu rõ hơn, sâu hơn về Nhật Bản thì không có nghĩa là các bạn đã sử dụng thời gian một cách vô ích.

Chủng loại và số lượng

Các cơ sở học tiếng Nhật được phân loại theo người sáng lập, mục đích và điều kiện nhập học. Tư cách cư trú, số trường, số học sinh theo bảng dưới đây:

	(1) Trường tiếng Nhật		(2) Khoa đặc biệt cho du học sinh ※4	(3) Cao đẳng, đại học, cao học, khoa liên quan đến tiếng Nhật
Người sáng lập	Trường có pháp nhân (trường chuyên nghiệp, các loại trường), pháp nhân dân pháp, công ty cổ phần, đoàn thể trách nhiệm, cá nhân,		Đại học tư, cao đẳng	Đại học quốc lập, công lập, tư
Mục đích	① Học tiếng Nhật	② Học tiếng nhật để học lên tiếp	② Học tiếng Nhật để học lên tiếp	③ Học lấy học vị
Tư cách vào học	A. Dành cho những người đã học xong 12 năm phổ thông	B. Dành cho những người chưa hoàn thành hết 12 năm phổ thông ※1 “Quá trình dự bị để vào đại học”	A. Dành cho những người đã hoàn thành xong 12 năm học phổ thông	C. Tùy theo cấp độ nhập học
Số lượng	383 ※2	21	59	khoảng 150
Thời gian khoá học	3 tháng, 6 tháng, 1 năm, 1 năm rưỡi, 2 năm		1-2 năm	2-5 năm
Tư cách cư trú	Đi học hoặc du học ※3	Du học	Du học	Du học
Số học sinh theo học	31,663* ※2		ước chừng 4.240 (cố định)	Đa số

※1 Hoàn thành 12 năm học phổ thông là điều kiện cần để vào học các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp ở Nhật Bản. Vì vậy những trường hợp đã hoàn thành 10 hay 11 năm học phổ thông ở những nước như: Ấn Độ, Singapore, Philipin, Malaysia, Mông Cổ v.v... muốn theo học tại các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp ở Nhật Bản thì phải: ① Học tại các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp ở nước của bạn 1 hoặc 2 năm cho hoàn thành xong 12 năm học rồi mới đến Nhật Bản. ② Bạn sẽ phải tham dự 1 khóa học dự bị đại học 1 năm mới có tư cách dự thi đại học.

※2 Số các trường được công nhận của Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật - Tài đoàn pháp nhân.

※3 Những sinh viên theo học khoá của trường dạy nghề có Visa “Du học”, còn các sinh viên theo học các khoá học của các trường khác thì có tư cách là “Đi học”.

※4 Khoa đặc biệt dành cho du học sinh tại các trường đại học tư: khoa đặc biệt dành cho du học sinh cũng có lúc gọi là khoa đặc biệt tiếng Nhật, được thành lập ở các đại học tư, cao đẳng. Tại đây bạn sẽ được học tiếng Nhật, văn hoá Nhật Bản, tình hình Nhật Bản và các môn học cơ bản để thi vào các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp. Trong trường hợp các bạn muốn thi vào các trường đại học mà các bạn đang học hoặc các trường đại học khác, các bạn có thể học theo chế độ tiến cử nhập học của trường khoa. Và có thể sử dụng các dịch vụ và các thiết bị trong trường đại học. Nếu bạn có Visa “Du học” thì bạn có thể tìm việc làm thêm hay tìm chỗ ở một cách dễ dàng. Đó chính là lợi thế của bạn.

Trình tự nộp hồ sơ (từ khi làm đơn xin đến khi nhập học)

Tháng 4 ~ 9 / Tháng 10 ~ 2	Làm đơn, chuẩn bị giấy tờ liên quan, gửi bưu điện
Tháng 9 ~ 11 / Tháng 2 ~ 4	Thời gian nộp hồ sơ
Tháng 1 ~ 3 / Tháng 7 ~ 9	Thủ tục xin visa, thủ tục nhập học
Tháng 4 / tháng 10	Khai giảng khoá 1-2 năm/ khoá 1,5 năm

Hãy làm công tác chuẩn bị ít nhất từ 6 tháng - 9 tháng trước thì mới dư thời gian

※ Ngoài ra cũng có trường có những khóa bắt đầu từ tháng 1 hay tháng 7, nhưng rất ít.

Tuyển chọn nhập học

Việc tuyển chọn hầu hết phải xem xét hồ sơ, có những trường yêu cầu phải phỏng vấn (cả người bảo lãnh), hoặc gặp người bảo lãnh, người liên lạc (xem trang 47)

Các giấy tờ cần thiết

- 1 Đơn xin học
- 2 Bảng chứng nhận thành tích học tập (bảng điểm)
- 3 Bảng tốt nghiệp
- 4 Giấy tiến cử
- 5 Giấy chứng nhận năng lực tài chính
- 6 Giấy khám sức khỏe
- 7 Lệ phí (khoảng 30000 yên)
- 8 Giấy tờ liên quan tới người bảo lãnh
- 9 Phỏng vấn người bảo lãnh
- 10 Thi tại trường

※ 8~10 tùy theo tình hình

Tùy theo từng trường mà các loại giấy tờ có thể khác nhau, tốt nhất bạn nên trực tiếp trao đổi. Nếu được tuyển chọn, trường sẽ thay mặt bạn làm thủ tục xin Visa. Giai đoạn tiếp tham khảo trang 38 "các thủ tục xin visa"



Lời khuyên②

Có được
chuyển
trường
không?

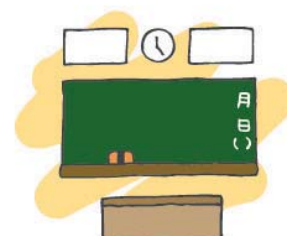
Về nguyên tắc trong thời gian học tiếng Nhật không chấp nhận việc chuyển trường. Vì thế, bạn nên thu thập thật đầy đủ các thông tin như xem kỹ trang Web, tờ quảng cáo của trường, tham khảo các ý kiến của các học sinh đang học hoặc đã tốt nghiệp.



Lời khuyên③

Tư cách
cư trú

Ở các cơ quan giáo dục tiếng Nhật, việc có được tư cách cư trú "du học" hay "đi học" chỉ có ở các trường được cấp phép thuộc Hiệp hội chấn hưng giáo dục Nhật bản (Tài đoàn pháp nhân). Việc cấp phép đó 3 năm lại thay đổi.



Chương

3

Những điều cần biết
về nhà trường

Các cơ quan giáo dục tiếng Nhật



Đại học, cao đẳng

Đại học

Chương trình đại học chính quy thường kéo dài 4 năm, riêng y khoa, nha khoa và thú y học 6 năm. Tùy theo các trường đại học, có chế độ cho sinh viên không chính quy học như sinh viên dự thính và sinh viên chỉ học một số môn chứ không học hết chương trình. Có chế độ dành cho du học sinh có mục đích nghiên cứu và học lấy bằng cấp, hoặc du học ngắn hạn đối với du học sinh không có mục đích lấy bằng.

Cao đẳng

Thời gian học cao đẳng thường là 2 năm, nhưng cũng có những ngành 3 năm như y tá, hộ lý. Các trường đại học ở Nhật bản lấy trọng tâm là nghiên cứu học thuật, lý luận, còn các trường cao đẳng chủ yếu đào tạo các kỹ năng ứng dụng trong thực tế. Trong hệ cao đẳng 1/3 là trường nữ. Các khoa nhân văn, gia chánh, sư phạm, xã hội chiếm hơn một nửa.

Điều kiện nhập học

Muốn vào các trường đại học và cao đẳng của Nhật Bản phải đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- ① Hoàn thành 12 năm học phổ thông ở nước sở tại (học xong trung học phổ thông)
※ Những người đã hoàn thành xong bậc trung học phổ thông của những trường quốc tế tại Nhật Bản, và đủ 18 tuổi ※1
- ② Theo Bộ Giáo dục và Khoa học, những sinh viên đến từ những nước có chế độ học phổ thông 10 hay 11 năm thì phải theo học “Khoá dự bị đại học”, và đủ 18 tuổi.
- ③ Những người đã đỗ ở kỳ thi năng lực tại nước sở tại tương đương với “Kỳ thi năng lực tốt nghiệp bậc phổ thông” của Nhật Bản.
- ④ Những người đã được công nhận là tốt nghiệp bậc phổ thông hoặc là có lực học cao hơn.
 - a. Những người có bằng Abitur của Đức, có bằng tú tài của Pháp, và đủ 18 tuổi
 - b. Những người đã hoàn thành xong chương trình 12 năm học của trường quốc tế được các tổ chức quốc tế (WASC, ACISI, ECIS) công nhận và đủ 18 tuổi.
- ⑤ Những người đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc có học lực cao hơn, theo điều tra tư cách nhập học của các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp và đủ 18 tuổi.

※ 1, 2  http://www.mext.go.jp/b_menu/houdou/15/09/03092001.htm

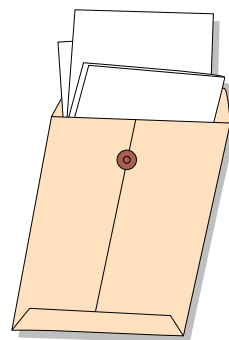


Các giấy tờ cần thiết

Tuỳ theo từng trường có thể khác nhau, nhìn chung cần các giấy tờ sau:

- 1 Đơn xin học (theo mẫu của trường)
- 2 Sơ yếu lý lịch
- 3 Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học (hay giấy chứng nhận tạm thời)
- 4 Bảng điểm phổ thông trung học
- 5 Giấy tiến cử của hiệu trưởng hoặc giáo viên trường đó
- 6 Giấy khám sức khỏe
- 7 Ảnh
- 8 Giấy chứng nhận ngoại kiều (trường hợp đang ở Nhật)
- 9 (Giấy tờ có liên quan tới người bảo lãnh)

※ Cần thiết nên trao đổi trực tiếp với trường xin học.



Kỳ thi nhập học

Được tiến hành dựa trên một số mục dưới đây:

- 1 Xét tuyển hồ sơ ★
- 2 Kiểm tra học lực
- 3 Phỏng vấn
- 4 Viết báo cáo hoặc bài tự luận
- 5 Kiểm tra một số năng lực khác có liên quan
- 6 Kỳ thi du học Nhật Bản ★
- 7 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật ★
- 8 Kỳ thi đại học tại trung tâm quốc gia

★ Bạn có thể thi tại nước ngoài.

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) là gì?

Kỳ thi du học Nhật Bản là kỳ thi do JASSO tổ chức, được coi là một phần nội dung thi tuyển dành cho các sinh viên du học tự túc muốn theo học đại học tại Nhật Bản. Kỳ thi được tổ chức một năm hai lần, vào tháng 6 và tháng 11, tại 15 tỉnh thành thuộc Nhật Bản và 16 thành phố chủ yếu thuộc khu vực Châu Á.

※ Xem chi tiết trang 30-31

Hãy chọn ngôn ngữ làm bài thi, môn thi mà các trường bạn chọn ở bảng dưới đây:

Môn	Nội dung
Tiếng Nhật	Năng lực tiếng Nhật để học được tại các trường đại học Nhật.
Các môn tự nhiên	Chọn 2 trong 3 môn vật lý, hoá học và sinh vật
Môn tổng hợp	Học lực cơ bản của các môn khoa học xã hội, đặc biệt là năng lực tư duy logic
Toán học	Chương trình 1 (áp dụng cho các môn khoa học tự nhiên mà không cần dùng nhiều tới các môn khoa học xã hội và toán học) Chương trình 2 (dành cho các khoa cần giỏi môn toán)



Lời khuyên ④

Không cần đến Nhật mà vẫn có thể nhận được giấy phép nhập học?

Có chế độ chấp nhận cho du học sinh trước khi sang Nhật, họ được tuyển chọn tại nước ngoài mà không cần sang Nhật.



Lời khuyên ⑤

Hãy tham dự kỳ thi EJU ở nước bạn để lấy giấy phép nhập học

Có 77 trường ở Nhật bản cấp giấy phép nhập học trước khi sang Nhật cho các học sinh đỗ ở kỳ thi du học Nhật Bản(EJU). Nhưng cũng có trường cấp giấy phép nhập học trước khi qua Nhật bằng cách thi riêng của trường và tuyển chọn hồ sơ.

Danh sách các trường cấp giấy phép nhập học trước khi sang Nhật sử dụng kết quả thi lưu học Nhật Bản.

<http://www.jasso.go.jp/eju/baij.html>

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật là gì?

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật là kỳ thi nhằm đánh giá và công nhận năng lực tiếng Nhật cho người nước ngoài, được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 hàng năm tại nước Nhật và nước ngoài (kỳ thi tháng 7 được hạn chế một số cấp độ thi và chỉ thực hiện ở một số nước và khu vực).

Có trường đại học cần phải sát hạch cho những thí sinh dự bị thi đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến từ những thành phố thuộc những nước không tổ chức thi "Kỳ thi du học Nhật Bản".

※ Tham khảo trang 52



Kỳ thi đại học tại trung tâm thi đại học là gì?

Những học sinh Nhật muốn dự thi vào các trường đại học quốc lập, công lập, và một số trường dân lập sẽ phải dự kỳ thi tại trung tâm thi đại học. Hầu hết các du học sinh được miễn kỳ thi này, nhưng có một số trường đại học (chủ yếu là Y khoa, nha khoa) bắt buộc du học sinh phải dự thi kỳ thi này.

● Trang web của trung tâm thi đại học

<http://www.dnc.ac.jp>

Học chuyển tiếp

Nhiều trường đại học có chế độ chuyển tiếp, nhưng hình thức và thực tế có nhiều loại. Cụ thể:

◆ Không hạn chế việc thực hiện mỗi năm

◆ Không hạn chế ở tất cả các khoa, bộ môn

◆ Có trường hợp cố định số người, có trường hợp bổ sung

Lượng thông tin ít so với các cuộc thi nhập học bình thường, vì vậy cần trao đổi trực tiếp với các trường đại học để tìm hiểu chi tiết hơn.

Tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

Đại học

Những sinh viên tốt nghiệp đại học phải đạt đầy đủ các điều kiện dưới đây, sẽ được cấp bằng "Cử nhân"

	Năm học	Số học trình
Bình thường	4 năm	124 học trình trở lên
Y khoa, nha khoa	6 năm	Y khoa, nha khoa 188 học trình trở lên
Thú y		Thú y 182 học trình trở lên
Dược khoa (một bộ phận)		Dược khoa 186 học trình trở lên

Cao đẳng

Người học Cao đẳng đáp ứng đầy đủ những điều kiện sau, nếu tốt nghiệp sẽ được nhận bằng "Cử nhân cao đẳng"

	Số học trình
2 năm	62 học trình trở lên
3 năm	93 học trình trở lên



Lời khuyên⑥

Người được học chuyển tiếp

- Người tốt nghiệp Cao đẳng
- Người tốt nghiệp các trường kỹ thuật nghiệp vụ
- Chuyên gia (đã tốt nghiệp các trường dạy nghề)
- Người đã hoàn thành 1-2 năm chương trình đại học
- Người đã hoàn thành chương trình đại học hệ 4 năm



Lời khuyên⑦

Sự khác nhau của học sinh dự thính và học sinh học lấy trình

Cả hai đều là hệ không chính quy, mục đích là học không cần lấy bằng. Tuy nhiên học sinh dự thính không lấy trình, còn loại kia học để lấy trình. Tư cách để lấy Visa "du học" đối với 2 loại học sinh này là học sinh phải học 1 tuần 10 tiết (600 phút).

Danh sách các trường đại học có chế độ học dự thính.

http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/choko.pdf

Học vị ở Nhật bản

Học vị ở Nhật Bản cũng giống học vị đạt được ở các nước khác. Tùy theo từng nước có những học vị riêng được Bộ giáo dục hay một cơ quan (một đoàn thể phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân) công nhận. Bạn hãy xác nhận trước với các cơ quan có liên quan ở nước mình.

Du học ngắn hạn

Du học ngắn hạn có 2 chương trình, một chương trình theo các trường ký kết gọi là “du học trao đổi”, hai là không theo hiệp định. Nội dung chương trình có:

- 1. Trình độ đối tượng** ① Đại học, ② Cao học
- 2. Ngôn ngữ giảng dạy:** ① Chỉ dùng tiếng Nhật, ② Chỉ dùng tiếng Anh ③ Tiếng Anh và tiếng Nhật
- 3. Các môn**
① Tiếng Nhật, ② Nghiên cứu Nhật Bản, ③ Môn khoa học xã hội nhân văn
④ Môn khoa học tự nhiên ⑤ Môn lý hóa sinh.
(Có những trường có lớp đặc biệt dành cho sinh viên du học ngắn hạn, có những trường lại để chung ở các khoa. Tư cách như sinh viên trao đổi, dự thính).

※ Chương trình trao đổi sinh viên, dành cho các sinh viên đang học đại học ở nước sở tại sang Nhật học 1 kỳ đến 1 năm, và được lấy học trình. Sinh viên có thể đăng kí tại các trường đại học mà mình đang theo học.

• List of Short-term Study (Japan Studies) Programs

 http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/short-term.pdf



Có thể lấy
bằng cấp
bằng tiếng
Anh

Có rất ít các chương trình du học ngắn hạn và các khóa học đặc biệt dành cho các sinh viên học bằng tiếng Anh với mục đích lấy bằng.

- Các khóa học lấy bằng cấp bằng tiếng Anh

 http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/degree_english.pdf

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

Kỳ thi du học Nhật Bản là kỳ thi để đánh giá lực học cơ bản và năng lực tiếng Nhật dành cho những sinh viên muốn du học tại Nhật Bản

Không cần phải đến Nhật dự thi mà bạn có thể đăng ký thi tại 16 thành phố tại 13 nước, khu vực trên thế giới.



Có 99% các trường đại học quốc lập và 48% các trường đại học tư áp dụng kết quả kỳ thi này.

(1) Ngày thi: Tổ chức một năm 2 lần, lần thứ 1 vào tháng 6, lần thứ 2 vào tháng 11

(2) Nơi tổ chức: tại 15 thành phố thuộc nước Nhật.

Tại nước ngoài: Ấn Độ (Newdelhi), Indonesia (Jarkarta, Surabaya), Hàn Quốc (Seoul, Busan), Xingapo, Srilanka (Colombo), Thái (Bangkok), Đài Loan (Đài Bắc), Philippin (Manila), Việt Nam (Hà Nội, Hồ Chí Minh), Malaysia (Kuala Lumpur), Myanmar (Yangon), Mông Cổ (Ulan Bator), Nga (Vladivostok)

(3) Môn thi: Thí sinh chọn môn thi trong 4 môn dưới đây, tùy theo yêu cầu của trường mình chọn.

Môn thi	Mục đích	Thời gian	Điểm số
Tiếng Nhật	Đánh giá trình độ tiếng Nhật (tiếng Nhật hàn lâm) cần thiết để học ở bậc đại học Nhật Bản	120 phút	0 đến 400 điểm
Khoa học tự nhiên	Đánh giá lực học cơ bản môn khoa học tự nhiên (Toán, Lý, Hoá) cần có để học môn khoa học tự nhiên của các trường đại học Nhật Bản,	80 phút	0 đến 200 điểm
Môn tổng hợp	Đánh giá các kỹ năng cơ bản cần cho các môn đại cương đặc biệt là năng lực lí luận và khả năng tư duy để học tại các trường đại học của Nhật Bản	80 phút	0 đến 200 điểm
Toán học	Đánh giá học lực cơ bản cần cho môn toán để học tại các trường đại học của Nhật Bản.	80 phút	0 đến 200 điểm

(4) Ngôn ngữ thi: Tùy theo yêu cầu của trường, thí sinh có thể đăng kí thi bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nhật (riêng môn tiếng Nhật bắt buộc thi bằng tiếng Nhật).

(5) Từ khi nộp đơn cho đến khi biết kết quả: xem chi tiết trang 31, có thể liên hệ trực tiếp với hội đồng thi của từng nước.

① Thời gian nộp đơn: (đợt 1) từ tháng 2 đến tháng 3 (đợt 2) tháng 7. ※ Hàng năm có thay đổi, vì vậy bạn nên xác nhận trực tiếp với đại diện hiệp hội của từng nước.

Mua sách "Hướng dẫn dự thi kỳ thi du học Nhật Bản", lệ phí dự thi, nộp đơn.

② Gửi giấy báo dự thi: tháng 5 tháng 10 (thẻ dự thi)

③ Thời gian thi: tháng 6 tháng 11

④ Thông báo kết quả thi: tháng 7 tháng 12 (gửi trực tiếp tới người dự thi)
(Để đáp ứng việc thẩm tra của các trường, hiệp hội sẽ gửi kết quả tới trường đại học)

Có thể đăng kí học bổng tại đây!

<http://www.jasso.go.jp/scholarship/yoyakuseido.html>

Thông tin về chế độ xin học bổng khuyến học của Bộ giáo dục và khoa học dành cho học sinh du học tự túc

Dành tặng "Học bổng khuyến khích của Bộ giáo dục và khoa học" cho học sinh du học tự túc đã chính thức vào các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề có kết quả xuất sắc trong kỳ thi du học Nhật Bản.

● **Học bổng: 48.000 yên/tháng (năm 2009)**

● **Xét tuyển: Chọn ra những sinh viên có thành tích xuất sắc nhất trong kỳ thi du học Nhật Bản**

Năm 2008 có 1377 người được tuyển chọn!



**Có thể dự
kỳ thi EJU
nhiều lần**

Bạn có thể dự thi EJU nhiều lần. Kết quả có giá trị trong 2 năm. Những năm gần đây được dự thi 4 lần. Kết quả nộp cho trường đại học được chọn một trong 4 lần ấy. Hơn nữa việc nộp kết quả được quy định ở mỗi lần thi nên bạn không thể nộp cho trường kết quả lần thi có môn thi khác.

Tham khảo 1 Số lượng trường áp dụng kỳ thi du học Nhật Bản

(Tháng 3 năm 2009)

Đại học		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng
	Tổng số	82	73	572	727
	Số trường áp dụng	81	44	272	397
	Tỉ lệ	99%	60%	48%	55%
Cao học		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng
	Số trường áp dụng	5	6	21	32
Trường chuyên nghiệp		Tổng			
	Số trường áp dụng	38			

Cao đẳng		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng
	Tổng số	0	24	361	385
	Số trường áp dụng	0	8	80	88
	Tỉ lệ	0%	33%	22%	23%
Trường kỹ thuật		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng
	Tổng số	2	0	0	2

Tham khảo 2 Số trường cấp giấy phép nhập học trước khi qua Nhật có áp dụng kỳ thi du học Nhật Bản

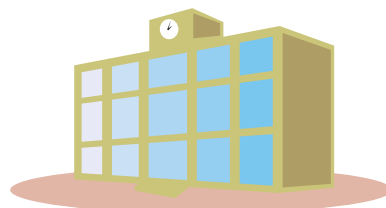
(Tháng 3 năm 2009)

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng
Đại học	14	1	51	66
Cao đẳng	0	0	7	7
Cao học	1	0	2	3
Trường kỹ thuật	1	0	0	1
Tổng số	16	1	60	77

※ Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ trực tiếp các trường đại học, cao đẳng, cao học

Tham khảo 3 Danh sách các đại diện tổ chức thi kỳ thi du học Nhật Bản ở nước ngoài

Nước và khu vực	Tên thành phố	Cơ quan đại diện (phòng ban phụ trách)	Địa chỉ	Điện thoại, E-mail:
Nhật Bản	15 tỉnh thành	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), Pháp nhân tài chính độc lập http://www.jasso.go.jp/	4-5-29 Komaba, Meguro-ku, Tokyo 153-8503	Tel. +81-3-6407-7457 ēju@jasso.go.jp
Ấn Độ	New Delhi	Hiệp hội lưu học sinh Bộ Giáo dục Ấn Độ (MOSAI) http://www.mosai.org.in/	1209-1211, 12th Floor New Delhi House 27, Barakhamba Road, New Delhi	Tel. +91-11-23313524 mosai.india@gmail.com
Indonesia	Jakarta	Trường Đại học Indonesia (Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản) http://www.cjs.ui.ac.id/	Kampus UI Depok, Depok 16424	Tel. +62-21-786-3547 ēju_indonesia@yahoo.com
	Surabaya	Trung tâm giao lưu văn hóa quốc tế (IMC Center) http://www.imccgroup.com/	Jl. Sumatera 92C, Surabaya 60281	Tel. +62-31-501-9051 info@imccgroup.com
Hàn Quốc	Seoul	Hiệp hội Hàn - Nhật http://www.koja.or.kr/	701 Doosan Bearstel 1319- 11 Seocho-dong Seocho-gu, Seoul, 137-070	Tel. +82-2-3452-5999 koja@koja.or.kr
	Busan	Trung tâm giao lưu Hàn - Nhật, Busan http://www.kopan.or.kr/	1501-2 Hanshin VAN O/T, Jeonpo2-Dong, Busanjin-Gu, Busan 614-744	Tel. +82-51-811-1717 busan@kopan.or.kr
Singapore		Hiệp hội giao lưu văn hóa Nhật Bản - Singapore http://www.jcss.org.sg/	Midland House, 112 Middle Road 05-00 188970	Tel. +65-6338-3428 culture@jcss.org.sg
Sri Lanka	Colombo	Hội những người thực tập kỹ thuật tại Sri Lanka (JASTECA) http://www.jasteca.lk/	Sri Lanka Japan Cultural Center No. 4, 22nd Lane, Colombo 3	Tel. +94-11-244-9057, 233-7007 jaspres@itmin.net
Thái Lan	Bangkok	Hiệp hội cựu lưu học sinh Thái Lan tại Nhật Bản (OJSAT) http://www.ojsat.or.th/	2 nd Floor Sibunruang 2 Building, 1/7 Convent Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500	Tel. +66-2-234-6951/54 admin@ojsat.or.th
Đài Loan	Taipei	Trung tâm huấn luyện và trắc nghiệm ngôn ngữ (Phòng trắc nghiệm tổng hợp 1) http://www.ltte.ntu.edu.tw/	170 Hsin-Hai Rd., Sec.2, Taipei	Tel. +886-2-2365-5050 (Ext. 263) gts@ltte.ntu.edu.tw
Philippines	Manila	Trường Saint Benile thuộc trường đại học De La Sajle (Trung tâm nhập học) http://www.dls-csb.edu.ph/	2544 Taft Avenue, Manila	Tel. +63-2-526-7441 (Ext. 126) admissions@dls-csb.edu.ph
Việt Nam	Hanoi	Trường Đại học Ngoại thương (khoa Tiếng Nhật) http://en.ftu.edu.vn/	Chua Lang Rd. Lang Thuong-Dong Da Hanoi	Tel. +84-4-835-6800 (Ext. 565) jd_ftu@yahoo.co.jp
	Hồ Chí Minh	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Quan hệ Quốc tế) http://www.hcmussh.edu.vn/	10-12 Dinh Tien Hoang St., District 1, Ho Chi Minh City	Tel. +84-8-822-1910 inter_uss@hcm.fpt.vn
Malaysia	Kuala Lumpur	Hội cựu lưu học sinh Myanmar tại Nhật Bản (JAGAM) http://www.jagam.org.my/	No. 88, Jalan SS 2/4, 47300 Petaling Jaya, Selangor	Tel. +60-3-7877-4311 jagamkl@gmail.com
Myanmar	Yangon	Hội cựu lưu học sinh Myanmar tại Nhật Bản (MAJA)	142 Anawrahta Street, Kyauktada, Township, Yangon	Tel. +95-1-534348 maja@mptmail.net.mm
Mông Cổ	Ulaanbaatar	Hội giáo viên tiếng Nhật tại Mông Cổ	Japan Club 2nd Fl. The Mongolia-Japan Center, Ulaanbaatar	Tel. +976-99259605 burd202000@yahoo.com
Nga	Vladivostok	Trường Đại học Đông Dương, thuộc trường đại học tổng hợp quốc gia Cục Đông (Khoa Tiếng Nhật) http://www.fenu.ru/	39 Okeansky Prosp., Vladivostok, 690600	Tel. +7-4232-45-43-39 ryugakusiken@hotmail.com



Chương

3

Những điều cần biết
về nhà trường

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)



Hệ cao học

Đề vào học hệ cao học

Tùy theo từng trường việc nhập học có khác nhau nhưng thường phải đáp ứng những điều kiện sau:

1. Hệ thạc sĩ

- ① Tốt nghiệp 4 năm đại học, hoặc có học lực tương đương
- ② Hoàn thành chương trình giáo dục 16 năm ở nước ngoài
- ③ Hoàn thành chương trình giáo dục 15 năm ở nước ngoài, và được công nhận có đủ học trình để tốt nghiệp với số điểm xuất sắc
- ④ Được công nhận có năng lực học vấn tương đương cử nhân bậc đại học trở lên, được qua vòng xét tuyển, và đủ 22 tuổi.

2. Hệ tiến sĩ

- ① Có bằng thạc sĩ hoặc có học lực tương đương
- ② Có bằng tương đương với bằng thạc sĩ được cấp ở nước ngoài.
- ③ Được công nhận có năng lực học vấn tương đương thạc sĩ trở lên, qua vòng xét tuyển, và đủ 24 tuổi.

3. Hệ tiến sĩ

(Y khoa, nha khoa, dược khoa, thú y)

- ① Hoàn thành chương trình học 6 năm đại học Y khoa, nha khoa, dược khoa, thú y.
- ② Học đại học ít nhất 4 năm và được công nhận là có đủ học trình với số điểm xuất sắc.
- ③ Hoàn thành chương trình giáo dục 18 năm ở nước ngoài, và được công nhận có đủ học trình để tốt nghiệp với số điểm xuất sắc.

Giấy tờ cần thiết

Tùy theo từng trường có thể khác nhau, nhìn chung cần các loại giấy tờ sau:

- 1 Đơn xin nhập học (mẫu đơn của nhà trường)
- 2 Lý lịch
- 3 Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (hoặc thời gian dự định sẽ tốt nghiệp)
- 4 Giấy chứng nhận tốt nghiệp thạc sĩ (hoặc thời gian dự định tốt nghiệp) (trường hợp thi vào tiến sĩ)
- 5 Bảng điểm của trường theo học gần đây nhất
- 6 Giấy giới thiệu của hiệu trưởng, trưởng khoa hoặc giáo sư hướng dẫn
- 7 Luận văn tốt nghiệp đại học và bản tóm tắt nội dung của luận văn đó
- 8 Giấy khám sức khỏe
- 9 Medical certificate
- 10 Ảnh
- 11 Thẻ đăng kí ngoại kiều (trường hợp sinh viên sống ở Nhật Bản)
- 12 (những giấy tờ có liên quan tới người bảo lãnh)



Lời khuyên ⑩

Khóa cao học ban đêm

Từ ngày 30 tháng 3 năm 2006 những du học sinh theo học các khóa cao học ban đêm sẽ được cấp Visa với tư cách cư trú là "Du học".



Lời khuyên ⑩

Khi nào bạn chuẩn bị?

Nhà trường thông báo tiêu chuẩn tuyển chọn từ tháng 6 đến tháng 8 của năm trước. Muốn biết thêm chi tiết hãy liên hệ trực tiếp với nhà trường. Bạn phải dành nhiều thời gian để xin hồ sơ, chuẩn bị giấy tờ, và thời gian gửi.

Kỳ thi nhập học

Được tiến hành dựa trên một số mục dưới đây:

- 1 Xét tuyển hồ sơ
- 2 Kiểm tra học lực (tổ chức tại trường đại học)
- 3 Phỏng vấn
- 4 Viết báo cáo, tự luận
- 5 Thi vấn đáp liên quan đến chuyên ngành

Thường kì thi được tổ chức trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10, cũng có trường tổ chức thi từ tháng 2 đến tháng 3.

Hệ cao học nghiệp vụ là gì?

Đó là chương trình giáo dục dành riêng cho công chức, viên chức đào tạo để trở thành người lãnh đạo trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, có trình độ chuyên môn cao. Tiêu biểu là các khóa cao học liên quan tới luật pháp và kiểm toán.

Tốt nghiệp hoàn thành khóa học

Tùy theo các khoá học khác nhau, thường như sau:

	Số năm học	Đơn vị học trình	Khác	Học vị
Khóa thạc sĩ	2 năm trở lên	30 học trình trở lên	Chấm luận văn Thạc sĩ thạc sĩ và thi tốt nghiệp	Thạc sĩ
Khóa thạc sĩ (hệ cao học nghiệp vụ)	1 đến 3 năm	30 học trình trở lên	—	Thạc sĩ (nghiệp vụ) ※ 1
Khóa tiến sĩ	5 năm trở lên ※ 2 (bao gồm cả 2 năm học thạc sĩ)	30 học trình trở lên (bao gồm cả số trình ở bậc thạc sĩ)	Chấm luận án tiến sĩ và thi tốt nghiệp	Tiến sĩ

※ 1 Nghiên cứu sinh khoa Luật sẽ là tiến sĩ luật (chuyên ngành).

※ 2 Khóa học tiến sĩ của ngành Y khoa, nha khoa, dược khoa, thú y sau khi hoàn thành xong 6 năm học bậc đại học thì phải học thêm 4 năm nữa.

Nghiên cứu sinh là gì?

Nghiên cứu sinh là sinh viên không chính quy.

- ① Không lấy học trình mà chỉ nghiên cứu trong một thời gian ngắn.
- ② Là những du học sinh ngắn hạn trong khuôn khổ trao đổi sinh viên giữa các trường đại học
- ③ Làm nghiên cứu sinh để chuẩn bị học cao học ※ 1

Có nhiều trường chỉ xét tuyển hồ sơ rồi cho nhập học.

Để nhận được Visa "du học" nghiên cứu sinh phải lên lớp ít nhất 10 tiết mỗi tuần. Nếu khoa yêu cầu bạn tìm giáo sư hướng dẫn, để đáp ứng điều kiện cần thiết này bạn phải thu thập thông tin từ những nghiên cứu sinh tại nước Nhật, các cựu lưu học sinh, các tạp chí khoa học và sách giới thiệu về trường, hoặc có thể tìm trên trang Web mỗi khoa sau đại học hoặc Read (Cơ sở dữ liệu về hoạt động nghiên cứu phát triển). Hoặc tìm trong cuốn "Danh sách chi tiết chuyên đề của các chuyên gia nghiên cứu" của hiệu sách Kinokuni. Một số giáo sư có trang Web riêng về khoa mà họ đang giảng dạy. Bạn có thể nhờ trường giới thiệu giáo sư hướng dẫn. Trong trường hợp bạn liên hệ được với giáo sư thì bạn phải gửi cho giáo sư xem những gì bạn đã nghiên cứu, dự định nghiên cứu trong tương lai, nếu có điều kiện bạn nên gửi kèm thư giới thiệu của giáo sư mà bạn đang theo học tại nước mình. Vì chưa gặp bạn bao giờ nên giáo sư không thể chấp nhận bạn ngay trong lần gửi thư đầu tiên. Bạn nên liên hệ với giáo sư thật nhiều lần và thể hiện lòng nhiệt tình quyết tâm của mình.

※ 1 Trong trường hợp bạn muốn trở thành sinh viên chính thức của hệ cao học thì bạn phải trực tiếp dự thi hoặc có nhiều trường chấp nhận cho bạn làm "Nghiên cứu sinh" trước khi vào học chính thức. Để biết thêm chi tiết bạn liên hệ trực tiếp với nhà trường.



Lời khuyên ②

Có thể dự thi ở nước ngoài không?

Có nhiều trường chỉ xét tuyển hồ sơ rồi cho nhập học, nhưng nhìn chung phải dự thi tại Nhật Bản.

• Danh sách các trường đại học cho phép nhận giấy nhập học trước khi qua Nhật

http://www.jasso.go.jp/study_j/documents/tonichimae.pdf



Lời khuyên ③

Giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là thầy giáo hướng dẫn bạn kế hoạch nghiên cứu và học tập. Các sinh viên chính thức hay nghiên cứu sinh đều phải tìm giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ. Giáo sư hướng dẫn tại trường đại học của bạn đăng ký giới thiệu giáo sư hướng dẫn cho bạn là tốt nhất.

• Cơ sở dữ liệu về hoạt động nghiên cứu phát triển.

<http://read.jst.go.jp/>

Chương

3

Những điều cần biết về nhà trường

Hệ cao học



Trường dạy nghề



Bạn muốn làm nghề gì?

Nơi đào tạo nghề trong các trường chuyên nghiệp được gọi là trường dạy nghề, nó là cơ sở giáo dục phổ thông nhằm cung cấp các kiến thức cần thiết nghề nghiệp, các kỹ năng thực hành cho thực tế cuộc sống và nghề nghiệp. Có rất nhiều ngành học như: Y tế, công nghệ, văn hóa, sư phạm, nghiệp vụ thương mại, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phúc lợi xã hội, may thời trang, gia chánh, nông nghiệp, v.v... Dưới đây là những nghề nghiệp cần phải lấy chứng chỉ:

Đạo diễn phim hoạt hình, thiết kế trò chơi, thiết kế nội thất, kiến trúc sư, kỹ sư hệ thống, thợ sửa chữa ô tô, y tá, chuyên gia dinh dưỡng, bếp trưởng, kiểm toán viên, biên phiên dịch, nhà thẩm mỹ viện, phục vụ khách sạn, cô nuôi dạy trẻ, dọn dẹp nhà cửa, thiết kế thời trang, làm phim hoạt hình, đạo diễn phim, diễn viên, thiết kế game, thiết kế đồ trang sức v.v...

Thời gian khóa học là 2 năm, nhưng trên 30% số sinh viên đang học ở các khoa có chế độ học 3 hay 4 năm. Tùy theo mục đích, kỹ năng, tư cách cấp bằng, nhà trường có rất nhiều khóa học đa dạng, và đó là nét đặc trưng của các trường dạy nghề.

7 điều nên làm khi chọn trường dạy nghề

- 1. Trường được công nhận chính thức hay không?**
Các trường không công nhận chính thức thì không lấy được danh hiệu và bằng sáng chế.
- 2. Nội dung giáo dục, nhiệt tình của giáo viên?**
Hãy kiểm tra lại chương trình học và giáo viên.
- 3. Phương tiện và thiết bị có đầy đủ không?**
Hãy xem kĩ ảnh và tài liệu
- 4. Hệ thống hướng dẫn tìm việc, thành tích?**
Nghiên cứu các phương châm, phương pháp tìm việc, thành tích công việc
- 5. Tổng chi phí?**
Năm đầu tiên? Từ năm thứ 2 trở đi? Khi nào thì trả?
- 6. Đánh giá của mọi người xung quanh như thế nào?**
Hãy hỏi ý kiến của các anh chị khoá trước và du học sinh.
- 7. Hãy dự buổi giới thiệu về trường**
Hãy kiểm tra thiết bị, hệ thống, nội dung giáo dục tại trường đó.

Điều kiện vào học trường dạy nghề

Phải đạt được một trong những điều sau:

- ① Hoàn thành 12 năm học phổ thông ở nước sở tại (học hết phổ thông trung học)**
※ Những người đã hoàn thành bậc phổ thông trung học của những trường quốc tế tại Nhật Bản, và đủ 18 tuổi ※¹
- ② Học sinh đến từ những nước có chế độ học phổ thông 10 hay 11 năm thì phải theo học "Khóa dự bị giáo dục", và đủ 18 tuổi.**
- ③ Người đã được công nhận tốt nghiệp bậc phổ thông hoặc là có lực học cao hơn thế.**
 - Những người có bằng Abitur của Đức, có bằng tú tài của Pháp, và đủ 18 tuổi
 - Những người đã hoàn thành xong chương trình 12 năm học của trường quốc tế được các tổ chức quốc tế (WASC, ACSI, ECIS) công nhận và đủ 18 tuổi.. ※²
- ④ Những người đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc có học lực cao hơn, và đủ 18 tuổi, theo điều tra tư cách nhập học của các trường chuyên nghiệp.**

※^{1, 2} http://www.mext.go.jp/b_menu/houdou/15/09/03092001.htm



Năng lực tiếng Nhật

Phải đạt được một trong những điều kiện sau:

- 1 Học tiếng Nhật trên 6 tháng tại trường tiếng Nhật được Bộ tư pháp công nhận
- 2 Những người đã thi đỗ trình độ cấp 1 hoặc cấp 2 của kỳ thi năng lực tiếng Nhật do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Quỹ hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản tổ chức.
- 3 Đã học ít nhất 1 năm tại trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của Nhật Bản.
- 4 Đạt 200 điểm trở lên trong kỳ thi du học Nhật Bản "Môn tiếng Nhật" (bao gồm kỹ năng đọc, hiểu, nghe hiểu và nghe - đọc).
- 5 Người đạt trên 400 điểm của kỳ thi Nghe đọc Viết JLRT và thi BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán thực hiện (JETRO thực hiện đến năm 2008).

Những giấy tờ cần thiết

Tùy theo các trường có thể khác nhau, nhưng thường phải có các giấy tờ sau:

- 1 Đơn xin học (mẫu đơn của nhà trường)
- 2 Bảng tốt nghiệp phổ thông trung học
- 3 Bảng điểm của trường theo học gần đây nhất
- 4 Bảng điểm và giấy chứng nhận đã theo học tại trường dạy tiếng (trường hợp thí sinh sống tại Nhật)
- 5 Kết quả kỳ thi năng lực tiếng Nhật (trường hợp thí sinh sống ở nước ngoài)
- 6 Giấy khám sức khỏe
- 7 Ảnh
- 8 (những giấy tờ có liên quan tới người bảo lãnh)

Kỳ thi nhập học

Được tiến hành dựa trên một số mục dưới đây:

- 1 Xét hồ sơ
- 2 Thi các môn
- 3 Phỏng vấn
- 4 Viết báo cáo, tự luận
- 5 Kiểm tra năng khiếu
- 6 Kiểm tra thực hành
- 7 Thi tiếng Nhật và kiểm tra học lực

Tốt nghiệp

	Chuyên gia	Chuyên gia cao cấp
Số năm học	2 năm trở lên	4 năm trở lên
Số giờ học	1700 giờ trở lên	3400 giờ trở lên
Chứng chỉ nghiệp vụ	Đánh giá thành tích học tập qua các kỳ kiểm tra để khẳng định là học sinh có được tốt nghiệp hay không?	Đánh giá thành tích học tập qua các kỳ kiểm tra để khẳng định là học sinh có được tốt nghiệp hay không?
Hình thành các khóa đào tạo		Hình thành các khóa đào tạo mang tính hệ thống

Học sinh đáp ứng đầy đủ những yêu cầu trên, khi học xong khóa học được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và khoa học công nhận sẽ được nhận bằng "chuyên gia" hoặc "chuyên gia cao cấp". Chuyên gia có thể học tiếp lên đại học, và chuyên gia cao cấp có đủ tư cách học lên cao học. Có tốt nghiệp được hay không còn phụ thuộc vào kết quả của bài kiểm tra cuối kỳ, bài kiểm tra cuối năm và số giờ lên lớp.



Các trường dạy nghề không có khóa học bằng tiếng Anh

- ※ Chuyển tiếp lên đại học
- Xem chi tiết trang 28

Lời khuyên 14

Kỳ thi nhập học của các trường dạy nghề

Trọng tâm của kỳ thi nhập học là xem xét ý thức, mục đích trong mọi lĩnh vực có rõ ràng hay không? Sau khi vào học, năng lực tiếng Nhật và năng lực học tập có đáp ứng được yêu cầu hay không? Có chí tiến thủ hay không?

Lời khuyên 15

Xác nhận điều kiện tốt nghiệp

Trên 90% các trường có chương trình đào tạo cấp bằng "chuyên gia", nhưng bạn nên xem lại có đáp ứng đầy đủ các điều kiện đó không?



Trường kỹ thuật chuyên nghiệp và một số trường khác

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp

Trường được gọi với cái tên KOSEN. Đây là trường dành cho học sinh tốt nghiệp hệ trung học cơ sở, nó có một vị trí đồng hành với các trường đại học và trường dạy nghề. Ở trường này học sinh được trang bị lý luận một cách có hệ thống, đồng thời được đào tạo tay nghề giỏi, chú trọng đến thực tiễn. Rất nhiều khoa của trường này liên quan đến lĩnh vực công nghiệp trong đó có các khoa đào tạo thuyền viên. Trường những học sinh sẽ học một thời gian khoảng 5 năm, sau đó sẽ nhận được học vị “chuẩn cử nhân”.

Ở các trường này có một chế độ học thêm 2 năm nữa, những học sinh này sẽ được Hội đồng thi quốc gia cấp bằng “cử nhân”. Những người tốt nghiệp được doanh nghiệp đánh giá cao, 100% số học sinh ra trường có việc làm. Rất nhiều học sinh không chỉ có việc làm, mà nhiều em được chuyển thẳng lên năm thứ 3 đại học. Có khoảng 480 lưu học sinh (tính đến năm 2008) ở các trường này.

※ Những du học sinh học xong thường vào thẳng năm 3 đại học, phần chuyển đổi này cũng giống như ở trường đại học và cao đẳng. Hiện nay, các trường này chủ yếu nhận du học sinh học bằng chính phủ. Cũng đang nghiên cứu nhận học sinh đi theo chế độ tự túc.

- Xem cơ cấu trường kỹ thuật chuyên nghiệp (pháp nhân hành chính độc lập).

<http://www.kosen-k.go.jp/>

Trường Trung học phổ thông

Các trường trung học phổ thông là các trường học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông cơ sở sẽ vào học 3 năm nữa (tham khảo trang 22-23). Học sinh ở nước ngoài muốn học THPT tại Nhật Bản có mấy hình thức sau đây:

1. Hình thức trao đổi giữa các trường kết nghĩa, các thành phố kết nghĩa
2. Tham gia các chương trình giao lưu giữa các trường
3. Cá nhân trực tiếp liên hệ với các trường của Nhật Bản (các trường công hoặc các uỷ ban giáo dục tỉnh, quận, huyện) cần thiết phải xác nhận các điều kiện về nhân thân, tư cách nhập học, trình độ tiếng Nhật.

* Du học sinh trung học phổ thông được nhận Visa “Đi học”, nếu không thuộc diện trao đổi du học sinh thì họ phải đáp ứng một số điều kiện như khả năng tiếng Nhật (phải học ít nhất 1 năm tiếng Nhật, hoặc đã từng học tiếng Nhật), phải có đủ tiền chi trả cho cuộc sống du học, và phải là những học sinh dưới 20 tuổi. Rất ít các trường trung học phổ thông của Nhật Bản dạy bằng tiếng Anh.

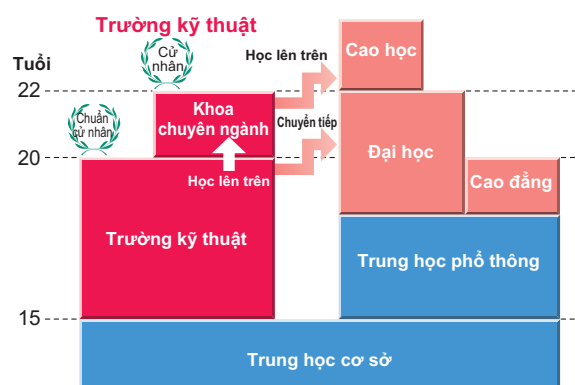
* Trường hợp tiếng Nhật không được giỏi lắm, có thể học tại các trường quốc tế tại Nhật Bản.

Cơ quan đánh giá các trường và cấp bằng

Đối với những người đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp, dạy nghề hoàn thành một số học trình qui định ở bậc đại học, sau khi xem xét kết quả các học trình, điểm thi, nếu học lực tương đương với bậc đại học thì có thể cấp bằng “cử nhân”.

- Trang web của tổ chức đánh giá các trường đại học và bằng cấp:

<http://www.niad.ac.jp/>



Chương

4

Những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản

Thủ tục nhập cảnh

T38

Chi phí sinh hoạt, giá cả

T41

Học phí

T42

Việc làm thêm

T43

Học bổng

T44

Nơi ở

T46

Bảo hiểm Y Tế

T47

Người bảo lãnh

T47

Thực tập, việc làm sau khi
tốt nghiệp

P48



Thủ tục nhập cảnh

Cục quản lý nhập cảnh-Bộ tư pháp  <http://www.immi-moj.go.jp/>

1 Những điều cần thiết

- 1 Giấy báo nhập học của các trường dạy tiếng, đại học, cao đẳng v.v....
- 2 Hộ chiếu
- 3 Xin Visa ở đại sứ quán hay lãnh sự quán Nhật Bản tại nước sở tại

2 Bạn có tư cách cư trú gì?

Tư cách cư trú sẽ quyết định tư cách và các hoạt động của người nước ngoài được phép sống tại Nhật... Nó được chia làm 27 loại Visa khác nhau. Các trường hợp dưới đây được phép cấp Visa.

Trường học	Tư cách cư trú	Thời gian cư trú
Đại học	Du học	2 năm 3 tháng 2 năm 1 năm 3 tháng hoặc 1 năm
Cao đẳng		
Trường kỹ thuật		
Trường dạy nghề		
Khoa lưu học sinh thuộc trường đại học tư, cao đẳng		
Trao đổi sinh viên (trong vòng 1 năm)	Du học	1 năm
Các trường dạy tiếng Nhật (trừ các trường dạy nghề)	Đi học	1 năm 3 tháng, 1 năm, hoặc 6 tháng



Thay đổi tư cách cư trú

Trường hợp từ các trường tiếng Nhật chuyển sang học các trường đại học, dạy nghề cần phải đến cơ quan xuất nhập cảnh gần nhất để thay đổi tư cách cư trú từ "đi học" sang "du học".

3 Thủ tục xin Visa

Có hai cách xin Visa:

1 Xin Visa khi chưa nhận được "Giấy chứng nhận tư cách cư trú"

Những người có nguyện vọng du học Nhật Bản xin làm thủ tục Visa tại đại sứ quán hay lãnh sự quán Nhật Bản tại nước ngoài. Cách làm này mất nhiều thời gian vì hồ sơ xin Visa phải gửi đi gửi lại giữa hai nước cũng như trong nước Nhật.

2 Xin Visa khi có "Giấy chứng nhận tư cách cư trú"

Người có nguyện vọng du học Nhật Bản có người đại diện thì có thể được Cục quản lý nhập cảnh Nhật Bản cấp "Giấy chứng nhận tư cách cư trú", tiếp đến xin Visa. So với cách trên thì cách này nhanh hơn rất nhiều.

■ Hạn chế các đồ vật mang vào Nhật Bản

Theo phát luật của Nhật những thứ sau đây không được mang vào Nhật. Trong trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt nặng:

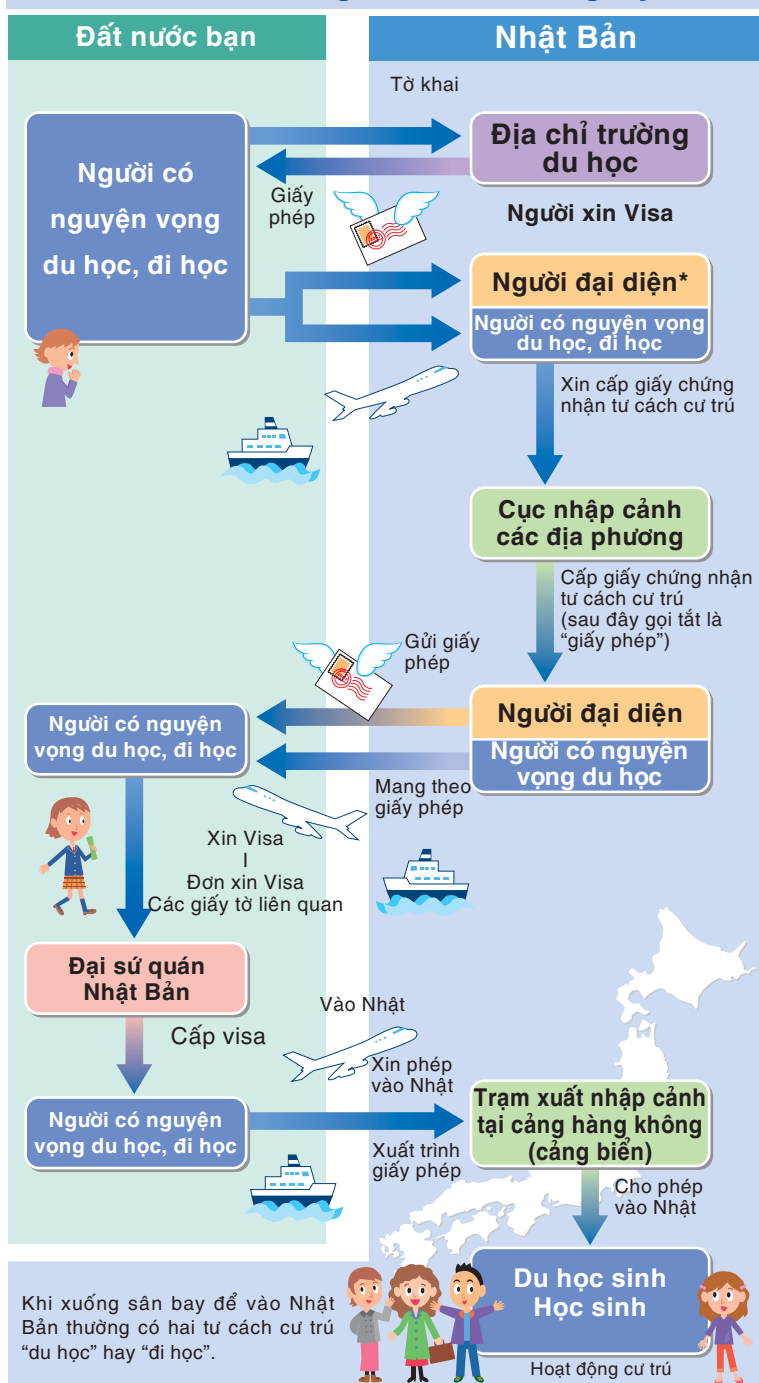
Các đồ cấm tuyệt đối

- Thuốc phiện, Heroin, thuốc gây nghiện, MDMA v.v
- Các loại súng như súng lục v.v..
- Các đồ giả như tiền giả, card giả v.v..
- Các tạp chí, đĩa DVD mang tính kích động
- Các vật phẩm vi phạm di sản văn hoá các đồ cổ giả v.v..
- Chất nổ như mìn v.v..

Các đồ hạn chế

- Súng săn, dao các loại
- Các động vật và các chế phẩm được qui định theo hiệp định Washington
- Động vật sống, thịt, hoa quả cần thiết kiểm dịch trước
- Đồ mỹ phẩm, thuốc uống (hạn chế số lượng)

Thủ tục sang Nhật khi có giấy chứng nhận tư cách cư trú



* Người có nguyện vọng cũng có thể xin được giấy phép cư trú, nhưng thường là người đại diện các giấy tờ xin tư cách "du học" hay "đi học" có thể khác nhau. Muốn biết cụ thể xin hỏi tại trường mình xin học.

4 Thủ tục sang Nhật để dự thi

Nếu bạn sang Nhật để dự thi thì cần giấy báo dự thi của trường bạn mang giấy đó đến đại sứ quán hay lãnh sự quán để xin Visa "cư trú ngắn hạn". Thời gian cư trú là 15 ngày, 30 ngày hoặc 90 ngày, trong khoảng thời gian này hoàn tất thủ tục nhập học với trường. Bạn có thể làm thủ tục để nghị đổi Visa và được cấp lại giấy chứng nhận tư cách cư trú mới phù hợp.

5 Bảo lãnh nhập cảnh

Năm 1996 đã bỏ điều luật quy định nhập cảnh phải có người bảo lãnh. Tuy nhiên, nếu du học sinh không có đủ khả năng trang trải toàn bộ chi phí, du học sinh vẫn cần người đứng ra nhận tài trợ trong thời gian du học Nhật Bản. Du học sinh cũng cần có người bảo lãnh để nhập học. Xem chi tiết trang 47.

Xin chứng nhận tư cách cư trú

[Người xin] (hầu hết xin ở 2)

- 1 Bản thân người có nguyện vọng du học, đi học.
- 2 Người đại diện (cơ quan tiếp nhận) hoặc người của cơ quan cấp học bổng, giáo viên trường đó, người chi cấp học phí, người thân tại Nhật.

[Giấy tờ cần thiết]

- 1 Đơn xin tư cách cư trú
- 2 Ảnh
- 3 Phong bì để tên để gửi lại.
- 4 Bản sao giấy phép nhập học.

* (đối với nghiên cứu sinh) hay sinh viên thỉnh giảng cần có giấy chứng nhận nội dung nghiên cứu, môn học và số giờ học

- 5 Giấy tờ chứng nhận năng lực tài chính của đương sự, hay của người khác.

(Cũng có trường hợp yêu cầu thêm một số giấy tờ khác)

Xin Visa

Sau khi có "Giấy chứng nhận tư cách cư trú", mang giấy đó đến Đại sứ quán Nhật tại nước sở tại.

[Giấy tờ cần thiết]

- 1 Hộ chiếu
- 2 Đơn xin cấp Visa
- 3 Ảnh
- 4 Giấy chứng nhận tư cách cư trú (Có trường hợp cần một số giấy tờ khác nữa)

Chương

4

Những điều cần biết về cuộc sống Nhật Bản

Thủ tục nhập cảnh

6 Đăng kí ngoại kiều

Người nước ngoài có ý định cư trú tại Nhật trên 90 ngày, thì trong vòng 90 ngày sau khi nhập cảnh vào Nhật sẽ phải xin cấp thẻ đăng ký ngoại kiều.

➔ Thủ tục đăng kí:

Điền vào tờ "Xin cấp thẻ đăng ký ngoại kiều", nộp kèm theo hộ chiếu 2 ảnh cho chính quyền địa phương nơi mình cư trú. Về nguyên tắc người đó phải đích thân đi nộp.

➔ Mang thẻ theo người, nghĩa vụ nộp lại

Đúng ngày hẹn phải đến nhận "Thẻ đăng ký ngoại kiều". Sau khi bạn làm đơn xin cấp thẻ đăng ký ngoại kiều, bạn phải đến nhận thẻ theo thời hạn quy định trong thông báo. Bạn phải luôn mang thẻ theo người và phải xuất trình thẻ khi được cảnh sát, cán bộ cửa khẩu v.v... yêu cầu. Ngoại trừ trường hợp được phép tái nhập cảnh, khi rời Nhật Bản bạn phải có nghĩa vụ trả lại thẻ cho cán bộ cửa khẩu tại sân bay.



7 Giấy chứng nhận tư cách làm thêm

Theo học các trường học của Nhật, du học sinh có Visa với tư cách "Du học" hay "Đi học" cũng không được chấp nhận đi làm thêm. Nếu muốn đi làm thêm, du học sinh phải xin giấy đồng ý của trường đang theo học, và mang giấy đó đến Cục quản lý nhập cảnh xin "Giấy chứng nhận tư cách làm thêm" (Xem trang 43, 52). Những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, cao học, trường dạy nghề đang tìm việc và có Visa "Cư trú ngắn hạn" cũng có thể xin giấy chứng nhận tư cách làm thêm.

8 Thủ tục về nước tạm thời

Người nước ngoài đang cư trú tại Nhật Bản muốn tạm thời về nước hoặc đi ra nước ngoài một thời gian sau đó quay lại Nhật với tư cách cư trú hiện có, phải xin giấy phép tái nhập cảnh tại Cục nhập cảnh địa phương trước khi rời Nhật Bản. Nên chú ý, nếu không xin giấy phép trước khi rời Nhật Bản, bạn sẽ không thể xin lại Visa ở nước ngoài.



9 Gia hạn thời gian cư trú

Muốn lưu lại Nhật Bản quá thời gian cho phép khi nhập cảnh, phải làm thủ tục gia hạn tại Cục quản lý nhập cảnh tại địa phương đang cư trú (thông thường Cục nhập cảnh nhận đơn gia hạn trước 2 tháng). Nếu cư trú bất hợp pháp, sẽ bị phạt hoặc trục xuất về nước.

10 Thay đổi tư cách cư trú

Nếu muốn tham gia hoạt động khác ngoài hoạt động quy định mà được phép hoạt động, phải được Cục quản lý nhập cảnh tại địa phương đang cư trú cho phép đổi sang tư cách tạm trú khác.



Nếu không được phép mà cứ tiến hành tham gia hoạt động khác ngoài tư cách cư trú được phép hoạt động, sẽ bị phạt và trục xuất về nước.

11 Hủy bỏ tư cách cư trú

Từ ngày 2 tháng 12 năm 2004, có chế độ hủy bỏ tư cách cư trú. Nếu người làm thủ tục xin Visa khai sai lý lịch cá nhân và nộp giấy tờ giả mạo thì sẽ bị hủy bỏ tư cách cư trú.



Sau khi được cấp tư cách cư trú, trong vòng 3 tháng mà không vào Nhật thì tư cách cư trú sẽ bị hủy bỏ.
(trừ những trường hợp có lý do chính đáng).

12 Mời người thân sang Nhật

Du học sinh có Visa "Du học". Thì có thể mời vợ, chồng, người thân sang Nhật với Visa "Đoàn tụ gia đình", thời gian được cư trú là 1 năm hoặc 2 năm. Nếu đã có gia đình thì tốt nhất là nên làm giấy mời sau khi đã quen với cuộc sống gia đình, và chuẩn bị tốt về mặt kinh tế.

Lời khuyên

Mời gia đình sang cư trú ngắn hạn

Bạn hãy lưu ý: nếu gia đình bạn sang Nhật với Visa "Cư trú ngắn hạn" hay còn gọi là Visa "Du lịch", thì sau đó sẽ rất khó đổi sang Visa "Đoàn tụ gia đình" trên lãnh thổ Nhật Bản.

Cuộc sống tại Nhật Bản

Quần áo, đồ ăn, nơi ở, học phí, tất cả hết khoảng bao nhiêu? Làm thêm có vất vả lắm không? Nếu bị bệnh thì như thế nào? Phong tục tập quán có khác nhau không? Hết điều này đến điều khác phải lo lắng! Lần đầu tiên đến Nhật Bản, cho đến khi quen với mọi thứ chắc có rất nhiều điều ngạc nhiên, khám phá. Không sao! Ai cũng phải vượt qua con đường này! Hãy nhìn về phía trước và cố gắng vượt qua.

Chi phí sinh hoạt và giá cả

1 Tiền tệ và giá cả

Đồng tiền của Nhật Bản là Yên. Có 4 loại tiền giấy: 10.000 yên, 5000 yên, 2000 yên và 1000 yên. Có 6 loại tiền xu: 500 yên, 100 yên, 50 yên, 5 yên, 1 yên. Nói chung, ở Nhật Bản khi mua đồ đều thanh toán bằng tiền mặt, có nhiều cửa hàng có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng. Ngoài ra ngày càng nhiều cửa hàng chấp nhận thanh toán bằng "thẻ Debit" (※). Người ta ít dùng ngân phiếu để thanh toán trong cuộc sống hàng ngày.

※ Người thanh toán có thể trả trực tiếp bằng "Thẻ rút tiền" tại tài khoản của mình ở các ngân hàng, bưu điện, hoặc các tổ chức tài chính khác.



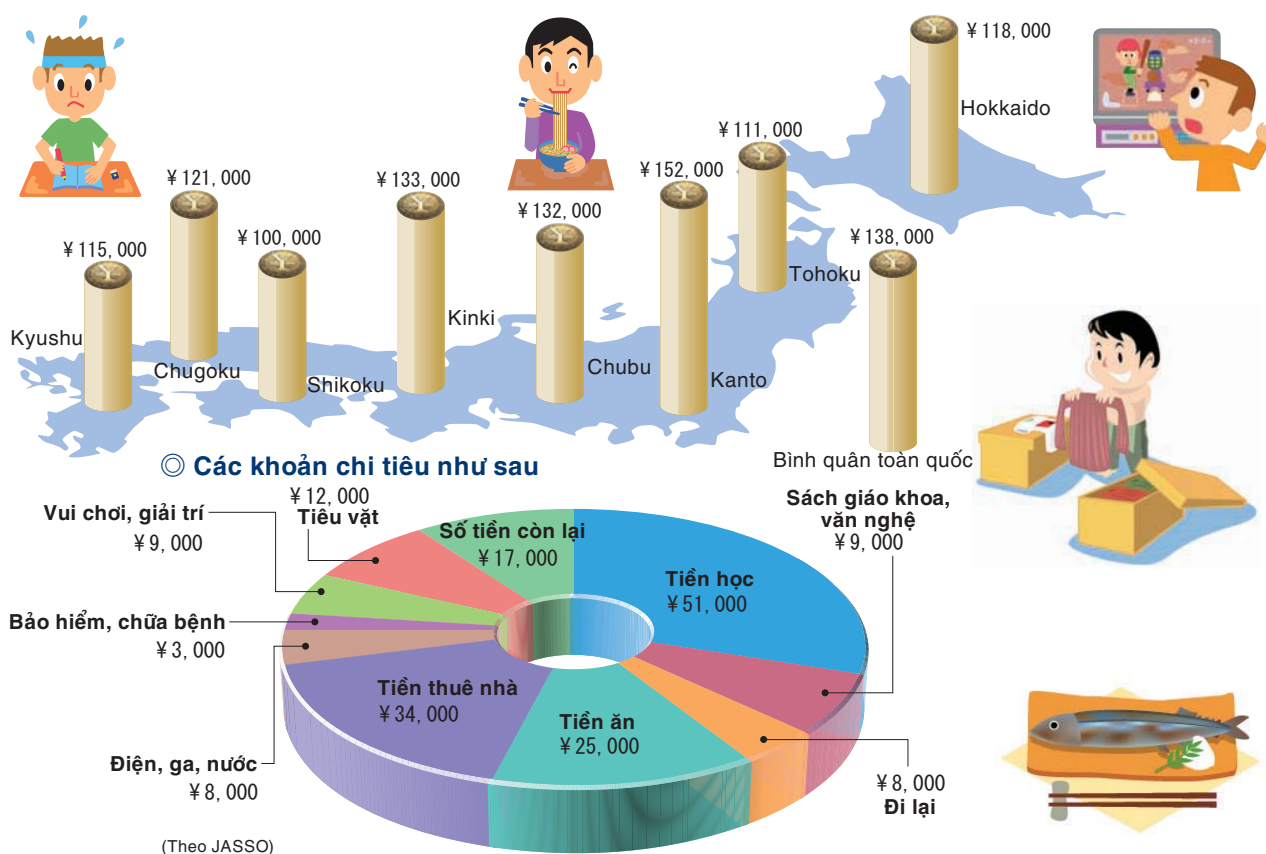
Ngoại tệ có thể được đổi sang tiền Yên tại các ngân hàng có quầy ngoại hối. Các ngân hàng đều có một tỉ giá hối đoái như nhau.

Nhật Bản là một trong những nước có giá cả đắt đỏ nhất thế giới. Dưới đây là giá của một số mặt hàng chủ yếu. (tỉ giá: 1 đô la Mỹ = 100 yên)

	Gạo (5kg)	2,104 yên	(21,0 đô la Mỹ)		Cocacola (lon 500ml)	107 yên	(1,1 đô la Mỹ)
	Bánh mì (1kg)	408 yên	(4,1 đô la Mỹ)		Bánh Hamburger	127 yên	(1,3 đô la Mỹ)
	Sữa tươi (1000ml)	193 yên	(1,9 đô la Mỹ)		Xăng ô tô (1l)	139 yên	(1,4 đô la Mỹ)
	Trứng gà (10 quả)	195 yên	(2,0 đô la Mỹ)		Giấy vệ sinh (12 cuộn)	311 yên	(3,8 đô la Mỹ)
	Táo (1kg)	484 yên	(4,8 đô la Mỹ)		Vé xem phim	1767 yên	(17,7 đô la Mỹ)
	Bắp cải (1kg)	149 yên	(1,5 đô la Mỹ)		Taxi	607 yên	(6,1 đô la Mỹ)

2 Chi phí sinh hoạt

Dưới đây là chi phí sinh hoạt 1 tháng của sinh viên nước ngoài (bao gồm cả tiền học), chi phí sinh hoạt ở Tokyo cao hơn nhiều so với các địa phương khác.



Học phí

So với học phí của các trường ở Anh và Mỹ thì học phí ở Nhật có một sức hấp dẫn. Ngoài ra, chế độ giảm học phí và chế độ học bổng so với các nước khác hoàn thiện hơn nhiều! Các khoản tiền phải đóng cho trường học vào năm đầu tiên là: tiền nhập học, học phí, phí sử dụng trang thiết bị và các khoản khác. Bình quân được tính theo bảng dưới đây (tiền nhập học phải đóng ngay khi mới vào).



■ Bình quân tiền học phí năm đầu tiên Đơn vị: Yên hoặc Đô la Mỹ (tỷ giá: 1 đô la Mỹ = 100 yên)

Cao học

Cao học			(JPY)	(USD)
Quốc lập			817,800	8,178
Công lập			916,267	9,163
	Hệ thạc sĩ	Nghệ thuật	1,489,584	14,896
		Nông, thú y	1,160,562	11,606
		Công nghệ	1,158,600	11,586
		Khoa học tự nhiên	1,124,085	11,241
		Sức khỏe cộng đồng (bao gồm cả thuốc)	1,109,804	11,098
		Sư phạm	1,092,923	10,929
		Y học	1,002,106	10,021
		Khoa học xã hội	974,987	9,750
		Gia chánh	972,238	9,722
	Khoa học Nhân Văn	913,352	9,134	
Tư lập	Hệ tiến sĩ	Nha khoa	1,504,281	15,043
		Nghệ thuật	1,307,991	13,080
		Công nghệ	1,140,543	11,405
		Nông, thú y	1,087,678	10,877
		Sức khỏe cộng đồng (bao gồm cả thuốc)	1,083,784	10,838
		Khoa học tự nhiên	1,061,639	10,616
		Gia chánh	982,005	9,820
		Sư phạm	955,658	9,557
		Khoa học xã hội	883,848	8,838
		Khoa học Nhân Văn	845,701	8,457
		Y học	789,518	7,895

<Nguồn: Bộ Giáo dục và Khoa học>

Trường dạy nghề

		(JPY)	(USD)
Tư lập	Y tế	1,462,000	14,620
	Vệ sinh	1,319,000	13,190
	Công nghiệp	1,182,000	11,820
	Văn hoá, giáo dục	1,181,000	11,810
	Thương mại	1,112,000	11,120
	Nông nghiệp	1,074,000	10,740
	Giáo dục, phúc lợi xã hội	1,055,000	10,550
	Máy thời trang, gia chánh	955,000	9,550

<Nguồn: Hội các tổ chức đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Tokyo>
※ Số tiền bình quân lớp ban ngày của trường dạy nghề dân lập

Đại học

		(JPY)	(USD)
Quốc lập		817,800	8,178
Công lập		936,435	9,364
Tư lập	Y khoa	5,164,096	51,641
	Nha khoa	4,953,511	49,535
	Dược khoa	2,125,308	21,253
	Nghệ thuật	1,698,041	16,980
	Sức khỏe cộng đồng	1,547,292	15,473
	Khoa học công nghệ	1,376,076	13,761
	Nông, thú y	1,361,705	13,617
	Thể dục thể thao	1,290,065	12,901
	Gia chánh	1,213,298	12,133
	Văn hoá, giáo dục	1,177,924	11,779
	Phúc lợi xã hội	1,140,801	11,408
	Luật, thương mại, kinh tế	1,121,026	11,210
	Thần học, phật giáo	1,106,493	11,065
	Khoa đặc biệt	638,356	6,384

<Nguồn: Bộ Giáo dục và Khoa học>

Cao đẳng

		(JPY)	(USD)
Quốc lập		559,200	5,592
Tư lập	Nghệ thuật	1,375,716	13,757
	Công nghệ	1,200,620	12,006
	Pháp luật, thương mại, kinh tế xã hội	1,119,927	11,199
	Thể dục thể thao	1,119,927	11,199
	Nhân văn	1,113,726	11,137
	Gia chánh	1,113,252	11,133
	Giáo dục, sức khỏe cộng đồng	1,071,127	10,711
	Khoa học tự nhiên, nông nghiệp	1,034,929	10,349

<Nguồn: Bộ Giáo dục và Khoa học>

Cơ sở dạy tiếng Nhật

	(JPY)	(USD)
Khóa học 1 năm	415,000 ~ 997,400	4,150 ~ 9,974
Khóa học 18 năm	782,250 ~ 1,470,000	7,823 ~ 14,700
Khóa học 2 năm	1,018,500 ~ 1,940,000	10,185 ~ 19,400

<Nguồn: "Trường tiếng Nhật ở Nhật Bản năm 2008">
Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật".

Việc làm thêm

Theo điều tra của JASSO có 81% du học sinh đi làm thêm. Công việc phổ biến nhất là các việc phụ trong nhà hàng, tiếp đến là bán hàng, gia sư v.v... Việc chi trả của các vùng có khác nhau, ví dụ phục vụ trong nhà hàng mỗi giờ được 800 yên đến 1200 yên, nếu làm 28 tiếng 1 tuần được 22.400 yên đến 33.600 yên.

Sau khi được trường và Cục nhập cảnh địa phương gần nhất cho phép thì du học sinh mới được phép đi làm thêm theo các điều kiện sau đây:

※ Nếu du học sinh không có giấy phép, làm quá giờ cho phép, làm công việc không phù hợp với nội dung cho phép thì sẽ bị phạt hoặc trục xuất về nước.

- (1) Không làm ảnh hưởng đến việc học.
- (2) Mục đích đi làm thêm là để trang trải tiền học phí và các chi phí cần thiết khác, chứ không phải đi làm để dành tiền và gửi về nhà.
- (3) Không làm các công việc làm ảnh hưởng xấu đến phong tục tập quán và tư cách, đạo đức của du học sinh.
- (4) Số giờ làm thêm tuân thủ theo đúng như bảng sau:

Trường	Tư cách	Tư cách cư trú	Số giờ
Đại học, cao học, cao đẳng, khoa đặc biệt dành cho du học sinh	Chính quy	Du học	1 tuần làm dưới 28 tiếng (kỳ nghỉ dài 1 ngày làm 8 tiếng)
	Nghiên cứu sinh, sinh viên dự thính	Du học	1 tuần làm dưới 14 tiếng (kỳ nghỉ dài 1 ngày làm 8 tiếng)
Trường dạy nghề Trường kĩ thuật chuyên nghiệp		Du học	1 tuần làm dưới 28 tiếng (kỳ nghỉ dài 1 ngày làm 8 tiếng)
Trường tiếng Nhật	Khóa học dự bị	Du học	1 tuần làm dưới 28 tiếng (kỳ nghỉ dài 1 ngày làm 8 tiếng)
Trường tiếng Nhật		Đi học	1 ngày làm dưới 4 tiếng

Những điểm lưu ý khi quyết định việc làm

◎ Công việc có trở ngại đến việc học không?

◎ Cách chi trả

◎ Nội dung của công việc có an toàn không?

Các bạn cần hết sức quan tâm đến sức khỏe và không để ảnh hưởng đến mục đích du học của bạn!

Làm việc đến khuya, và làm nhiều tiếng trong ngày thì có ảnh hưởng đến ngày hôm sau không?

Bao gồm cách trả thuế, trả theo ngày, trả theo tuần, trả theo tháng, trả trực tiếp hay trả qua ngân hàng?

Công việc có nguy hiểm không? Trong trường hợp bị tai nạn thì tiền bồi thường ra sao?

Giới thiệu việc làm thêm sẽ do trường bạn đang theo học và các trung tâm hỗ trợ sinh viên trong nước và quốc tế “Hello Work”.

• Hello Work

📄 <http://www.hellowork.go.jp/>

• Dịch vụ tư vấn bằng tiếng nước ngoài của Hello Work

📄 http://www.tfemploy.go.jp/jp/coun/cont_2.html



Lời khuyên của các sinh viên khóa trước

Làm thêm là công việc bình thường trong xã hội Nhật Bản. Thông qua công việc bạn học được những nguyên tắc và tập quán của người Nhật. Tuy nhiên có những du học sinh vì đi làm thêm mà bỏ bê việc học, thiếu giờ lên lớp, không gia hạn được Visa và phải trở về nước. Các bạn cũng đừng nên quên rằng nhiệm vụ của chúng ta đến nước Nhật là để học chứ không phải để đi làm.

Học bổng

Học bổng để chi trả toàn bộ chi phí trong quá trình du học thì rất ít, học bổng để trang trải một phần nhỏ tiền học phí và chi phí sinh hoạt thì có nhiều. Vì vậy, du học sinh nên xem lại chi phí học tập ở Nhật thật kĩ lưỡng, đừng nên dựa vào học bổng.

Có 51,2% du học sinh đi theo diện tự túc nhận được học bổng. Bình quân mỗi tháng là 60.000 yên.
(※ JASSO điều tra năm 2007)

Có 15,6% học sinh học tiếng của các trường dạy tiếng nhận được học bổng. Bình quân mỗi tháng là 53,504 yên
(※ theo điều tra của Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật 2007)

● Các loại trợ cấp kinh tế:

1. Học bổng
2. Chế độ giảm học phí (giảm 30%, 50%, và 100%)
3. Trợ cấp về vật chất (vé xe buýt)

● Có 2 cách xin học bổng

1. (xin học bổng trước khi qua Nhật) Xin học bổng trước khi qua Nhật, hoặc từ nước ngoài (rất ít)
2. (xin học bổng sau khi qua Nhật) Hầu hết là sau khi nhập học tại các trường của Nhật mới xin.

● Mức độ và số lượng các đoàn thể

(tính đến tháng 12- 2007)

	Đối tượng	Xin trước khi qua Nhật		Xin sau khi qua Nhật
		Tư nhân	Chính phủ Nhật	Đoàn thể tự trị
1	Học sinh trung học phổ thông	0		7
2	Học sinh kỹ thuật	0	O	33
3	Học sinh trường dạy nghề	3	O	15
4	Du học sinh của khoa tiếng Nhật thuộc trường đại học	1		11
5	Học sinh trường dạy tiếng	1		7
6	Sinh viên cao đẳng	4		56
7	Sinh viên dự thính đại học	0		12
8	Sinh viên đại học	7	O. Đào tạo văn hoá Nhật Bản, tiếng Nhật	139
9	Nghiên cứu sinh	7	O. YLP, đào tạo giáo viên	53
10	Hệ thạc sĩ	11		169
11	Hệ tiến sĩ	10		167



● Thi tuyển chọn:

Xét hồ sơ, thi viết kiểm tra kiến thức tổng quát, kiến thức về ngành học, khả năng tiếng Nhật và phỏng vấn.

● Phương thức xin:

Hầu hết hồ sơ xin học bổng đều phải nộp qua trường mà du học sinh đang theo học (để biết thêm chi tiết xin hãy liên hệ trực tiếp với phòng quản lý lưu học sinh)



1 Xin học bổng trước khi qua Nhật

Các loại học bổng		Đối tượng và cơ quan cấp học bổng	Học bổng hàng tháng	Địa chỉ liên hệ
Các loại học bổng Học bổng chính phủ Nhật Bản (Bộ giáo dục và Khoa học) ※1	Tiền cử của Đại sứ quán	Nghiên cứu sinh/Thực tập sinh giáo viên ※2	¥ 152,000	Liên hệ trực tiếp với các cơ quan đại diện của Nhật tại nước ngoài (Đại sứ quán, tổng lãnh sự quán Nhật Bản) ☞ http://www.mofa.go.jp/mofaj/lin/zaigai/index.html
		Sinh viên đại học/ Sinh viên kỹ thuật chuyên nghiệp / Các trường dạy nghề / sinh viên học tiếng Nhật và văn hoá Nhật Bản	¥ 125,000	
		Sinh viên chương trình “Những nhà lãnh đạo trẻ”	¥ 258,000	
	Tiền cử của trường đại học	Nghiên cứu sinh ※2	¥ 152,000	Trường bạn đang học (tại nước bạn)
		Sinh viên học tiếng Nhật, và sinh viên học văn hoá Nhật Bản	¥ 125,000	
JASSO Học bổng khuyến học dành cho du học sinh đi học tự túc (trang 30)		Sinh viên đã thi EJU, muốn học chính quy các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề	¥ 48,000	Phòng lưu học sinh của JASSO (trang 52)
Học bổng của các đoàn thể địa phương		16 đoàn thể	¥ 122,700 (bình quân)	Các đoàn thể tự trị
Chế độ du học ngắn hạn (nhận)		(đối tượng là sinh viên ngắn hạn thuộc diện trao đổi giữa hai trường đại học)	¥ 80,000	Trường bạn đang học (tại nước bạn)

2 Xin học bổng sau khi đến Nhật Bản

Các loại học bổng		Đối tượng và cơ quan cấp học bổng	Học bổng hàng tháng	Địa chỉ liên hệ
Các loại học bổng Học bổng chính phủ Nhật Bản (Bộ giáo dục và Khoa học) ※1	Xét tại nước Nhật	Nghiên cứu sinh ※2	¥ 152,000	Liên hệ trực tiếp với trường (Nhật Bản)
		Sinh viên đại học	¥ 125,000	
JASSO học bổng khuyến học dành cho du học sinh đi học tự túc		Đại học / cao đẳng / Khoa đặc biệt dành cho du học sinh / Kỹ thuật chuyên nghiệp / dạy nghề / Khoa dự bị / Các cơ quan giáo dục tiếng Nhật	¥ 48,000	Liên hệ trực tiếp với trường (Nhật Bản)
		Nghiên cứu sinh/ Hệ thạc sĩ/ Hệ tiến sĩ	¥ 65,000	
Học bổng đoàn thể tự trị địa phương, khu tự trị		49 khu vực tự trị địa phương, và các tổ chức giao lưu quốc tế	¥ 23,000 (bình quân)	Các đoàn thể tự trị địa phương hoặc trường mà bạn đang theo học (Nhật Bản) ※3
Học bổng của các đoàn thể địa phương		131 tổ chức tư nhân	¥ 73,800 (bình quân)	Các tổ chức hoặc trường mà bạn đang theo học (Nhật Bản) ※3
Học bổng của trường		※4	—	
Chế độ giảm học phí		362 trường đại học	—	

(Theo điều tra của Bộ giáo dục và Khoa học, Trung tâm thông tin du học)

※ 1 Có chế độ học bổng khác nhau theo khu vực nghiên cứu, học tập.

※ 2 Thạc sĩ 154,000 yên, tiến sĩ 155,000 yên.

※ 3 Do mỗi tổ chức chỉ định.

※ 4 Học bổng do trường đại học, cao học, cao đẳng cấp thì liên hệ trực tiếp với trường.

Danh sách các tổ chức cấp học bổng ☞ http://www.jasso.go.jp/study_j/scholarships.html

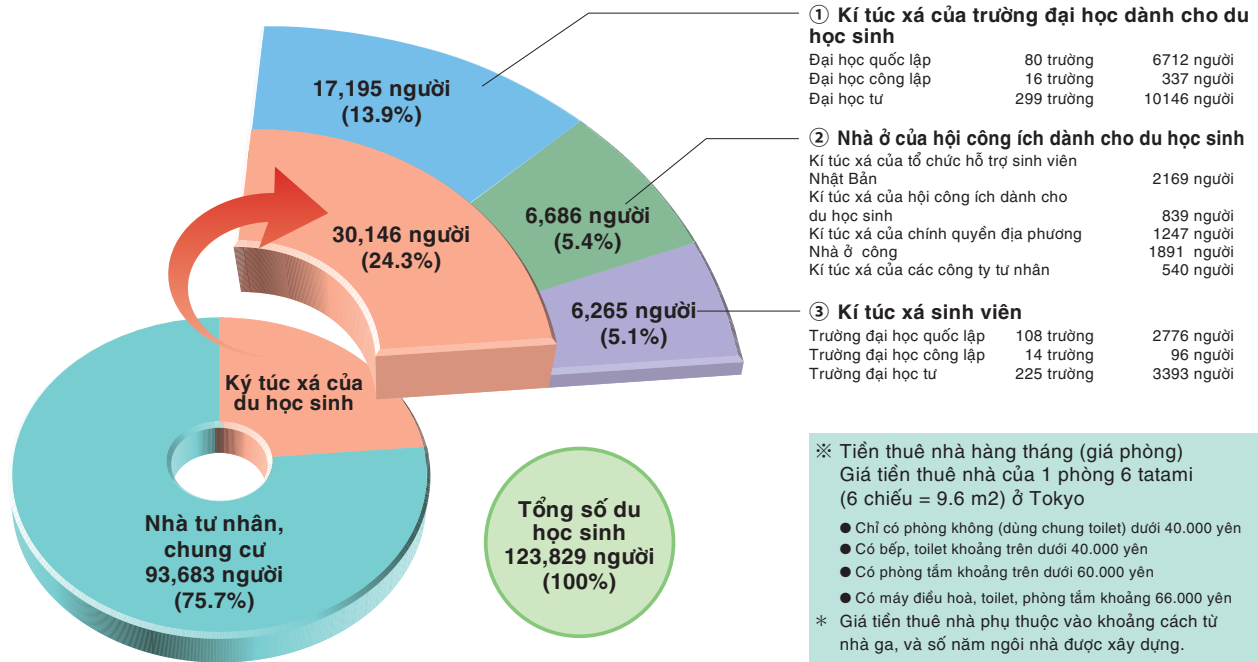
Cách tìm học bổng: ☞ <http://www.jpss.jp/>



Nhà ở

Nhà nước, chính quyền địa phương, các trường đại học đều có kí túc xá cho sinh viên thuê. JASSO cũng có kí túc xá dành cho sinh viên nước ngoài, và JASSO cũng bảo đảm có nhà của tư nhân để cho sinh viên nước ngoài thuê. Có 75.7% du học sinh thuê nhà tư để ở. Thông thường, nếu muốn thuê nhà bạn có thể tư vấn trực tiếp tại phòng quản lý du học sinh hay hỏi tại công ty môi giới bất động sản.

Tình hình nhà ở (Tính đến ngày 1-5-2008)



Cùng với đời sống của người dân, nhà cửa ở Nhật cũng bắt đầu phương tây hoá, nhưng đến bây giờ người Nhật vẫn có thói quen cởi giày để ở cửa ra vào. Phòng kiểu Nhật Bản dùng vào nhiều mục đích khác nhau.

Phòng quay về hướng Nam, cửa sổ quay về phía Tây, phòng vừa ấm vừa sáng, giá đắt. Tiền nhà phụ thuộc khoảng cách từ nhà tới ga, số năm mà ngôi nhà được xây. Ở mỗi vùng có chế độ “Tiền đặt cọc” (Shikikin) và “Tiền cám ơn” (Reikin) khác nhau. Khi kí hợp đồng bạn phải trả “Tiền đặt cọc” và “Tiền cám ơn”, hầu hết các phòng cho thuê đều không có đồ đạc.

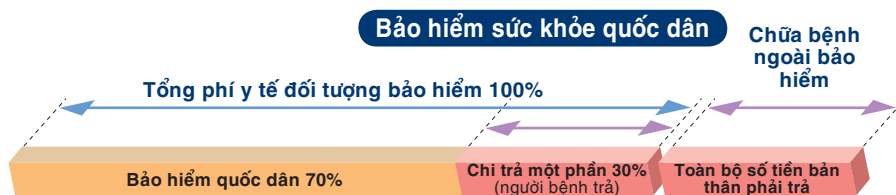


Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn

● Bảo hiểm y tế

Người nước ngoài sống trên 1 năm tại Nhật Bản phải tham gia "bảo hiểm y tế quốc dân". Để tham gia bảo hiểm này bạn phải tới chính quyền

địa phương nơi gần nhất để làm thủ tục. Sau khi tham gia, hàng tháng phải đóng bảo hiểm. Tùy theo thu nhập của bạn và từng địa phương số tiền sẽ khác nhưng bình thường là 20.000 yên/năm. Khi tham gia bảo hiểm, tiền chữa bệnh phải tự trả 30%. Khi đi khám bệnh phải trình thẻ bảo hiểm. Ngoài tiền bảo hiểm tương ứng, phải tự đóng một số tiền..



● Bảo hiểm tai nạn

Đây là loại bảo hiểm đối với những tai nạn, hay việc bồi thường rủi ro cho người khác do mình gây ra mà bảo hiểm y tế không chi trả được.

Bảo hiểm thương tật khi bị tai nạn hoặc khi đi du lịch, hoặc bồi thường trách nhiệm cá nhân mình gây ra cho người khác. Nên hỏi nhà trường khi tham gia loại bảo hiểm này.

Người bảo lãnh

Những lúc như thế này, cần phải liên lạc với người bảo lãnh và người cần liên hệ của du học sinh!
Bạn hãy xác nhận trước!

1. Khi nộp đơn xin vào trường học tiếng, đại học, trường dạy nghề

2. Khi thuê nhà

3. Khi xin đi làm thêm

Ở 1, có nhiều lý do cần người bảo lãnh là "Bảo đảm tài chính để trang trải chi phí du học", "Bảo đảm không có vấn đề gì xảy ra khi làm thủ tục cư trú sau khi nhập học".

Hồ sơ gồm:

- Giấy đảm bảo nhân thân ● Giấy cam đoan ● Giấy chứng nhận công dân của người bảo lãnh
- Giấy chứng nhận nơi công tác của người bảo lãnh v.v...

* Gần đây nhiều trường chỉ cần người liên hệ mà không cần người bảo lãnh

* Sinh viên Nhật Bản cũng vậy, nhiều trường hợp chỉ cần người bảo lãnh khi nhập học.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ trực tiếp với trường bạn muốn theo học, Nếu như du học sinh không trả được học phí thì người bảo lãnh sẽ phải trả thay. Người bảo lãnh không chỉ bảo đảm cho khả năng tài chính mà còn phải bảo đảm tư cách đạo đức của du học sinh. Vì vậy cần xây dựng một mối quan hệ đáng tin cậy và tránh không gây rắc rối cho người bảo lãnh.

Ở 2. khi muốn thuê nhà, bạn cũng cần phải có người bảo lãnh, không phải chỉ có người nước ngoài mà người Nhật cũng vậy. Có những chế độ dành cho những du học sinh có ít người quen là người Nhật khi có những cơ quan hoặc giáo viên ở trường đó nhận bảo lãnh.

◎ Bồi thường đối với du học sinh đi thuê nhà

Tổ chức hỗ trợ giáo dục quốc tế đứng ra thực hiện chế độ này, để phòng trường hợp khẩn cấp như hỏa hoạn và tránh không phải làm phiền người bảo lãnh. Chế độ bồi thường 1 năm (4500 yên tiền bảo hiểm và các chi phí khác) và chế độ 2 năm (9000 yên tiền bảo hiểm và các chi phí khác). Chế độ này dành cho những người có tư cách cư trú (Visa "Du học" tại các trường đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp, dạy nghề, hay đối với sinh viên có Visa "Du học" hoặc Visa "Đi học" đang học tại các trường tiếng mà trường này là thành viên chính thức của Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật.

Bạn có thể đăng kí tham gia tại trường mình đang theo học. Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ trực tiếp với trường mình theo học, hoặc địa chỉ dưới đây. Bạn có thể xác nhận qua trang Web các trường tham gia chế độ này.

Bộ phận lợi ích công, Phòng sự nghiệp, Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Tài đoàn pháp nhân).

TEL : 03-5454-5275 FAX : 03-5454-5232

 <http://www.jees.or.jp/>

Thực tập, việc làm sau khi tốt nghiệp

1 Thực tập là gì?

Thực tập là trong thời gian đi học sinh viên muốn đi làm thử ở các công ty để lấy kinh nghiệm liên quan đến chuyên môn mình đang theo học và công việc của mình trong tương lai.

Một số trường đại học coi thực tập là một phần trong chương trình học. Nếu được công ty trả tiền lương, sinh viên cần phải có giấy phép đi làm thêm. Khi chọn trường cần liên hệ trực tiếp với trường bạn định chọn xem trường đó có chế độ thực tập hay không? Kết quả đi thực tập có được chuyển thành học trình hay không? Ngoài ra trên Internet cũng có thông tin về các công ty nhận sinh viên thực tập và các thông tin có liên quan khác.

Hơn nữa, những sinh viên đang theo học tại các trường đại học tại một nước khác, vào Nhật Bản thực tập như là một phần của chương trình học để lấy học trình, được thoả thuận giữa trường đó và một công ty của Nhật Bản, được hưởng lương thực tập, sẽ có tư cách cư trú là "Hoạt động đặc biệt", "Hoạt động văn hoá" hay "Cư trú ngắn hạn"?

Trong thời gian du học tại Nhật, bạn muốn tham gia thực tập xin liên hệ trực tiếp với các tổ chức phi lợi nhuận sau:

Thực tập	AIESEC	info@aiesec.jp	206 Belvedere Kudan, 2-15-5 Fujimi, Chiyoda-ku, Tokyo 102-0071 http://www.aiesec.jp/	TEL +81-3-3288-1241
	ETIC	info@etic.or.jp	4 th Floor, APPLE OHMI Bldg., 1-5-7, Jinnan, Shibuya-ku, Tokyo 150-0041 http://www.etic.or.jp/	TEL +81-3-5784-2115



2 Việc làm sau khi tốt nghiệp

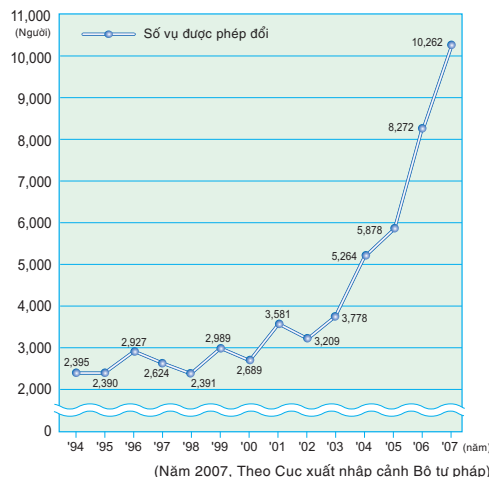
Ngày càng nhiều du học sinh đi làm cho các công ty Nhật Bản sau khi tốt nghiệp. Những điểm chính để xét chuyển đổi tư cách cư trú để đi làm gồm: ① Trình độ học vấn ② Nội dung công việc định làm ③ Tiền lương ④ Tình hình mà công ty định xin vào. Về điểm thứ nhất: chỉ những học sinh đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp và những người tốt nghiệp trường dạy nghề có bằng "chuyên gia". Về điểm thứ hai: Nếu là "chuyên gia" thì công việc định làm có liên quan tới chuyên môn của mình hay không? Điểm này được xem xét một cách nghiêm túc. Ví dụ: bạn đã học chuyên ngành may thời trang mà công việc của bạn định làm là lập trình viên, về nguyên tắc thì sẽ rất khó đổi tư cách tạm trú. Về điểm thứ ba: tiền lương, mức lương phải ngang bằng hoặc hơn mức lương trả cho người Nhật. Về điểm thứ tư: không có tiêu chuẩn chính thức nào, nhưng họ sẽ đòi hỏi là công ty đó sẽ phải đạt một số tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh ổn định.

Những việc cụ thể về thủ tục nên hỏi trực tiếp Cục quản lý nhập cảnh địa phương.

Thông tin có liên quan đến các địa chỉ việc làm:

- ➔ Văn phòng tư vấn việc làm của trường
- ➔ Trung tâm hỗ trợ tổng hợp việc làm cho sinh viên, trung tâm dịch vụ việc làm cho người nước ngoài
- ➔ Cựu du học sinh đang làm việc tại các công ty của Nhật Bản, Tạp chí có thông tin về việc làm cho du học sinh, JASSO "Thông tin về việc làm dành cho du học sinh nước ngoài"
- ➔ Hội thảo việc làm dành cho du học sinh Hội thăm quan doanh nghiệp
- ➔ Tạp chí Mạng lưới du học Nhật bản (Japan Alumni e News)

Sơ đồ số du học sinh được đổi sang tư cách cư trú với mục đích đi làm



Các ngành nghề hiện tại của cựu du học sinh

Thứ 1	Thương nghiệp, thương mại	20,9 %
Thứ 2	Liên quan tới máy tính	14,7%
Thứ 3	Giáo dục	6,4%
Thứ 4	Máy móc, thiết bị	5,4%
Thứ 5	Điện	4,6%

Trung tâm hỗ trợ nghề nghiệp sinh viên	Roppongi Job Park, 3-2-21 Roppongi, Minato-ku, Tokyo 106-0032 http://job.gakusei.go.jp/F/F2000200.asp	TEL +81-3-3589-8609
Trung tâm dịch vụ lao động người nước ngoài Tokyo	B1F, Roppongi Job Park, 3-2-21 Roppongi, Minato-ku, Tokyo 106-0032 http://www.tfemploy.go.jp/	TEL +81-3-3588-8639
Trung tâm hỗ trợ chỉ đạo việc làm người nước ngoài Shinjuku	3F, Hello Work Shinjuku Bldg., 2-42-10 Kabuki-cho, Shinjuku-ku, Tokyo 160-8489 http://www.tfemploy.go.jp/jp/info/map2.html	TEL +81-3-3204-8609
Trung tâm dịch vụ lao động người nước ngoài Nagoya	12F, Chunichi Bldg., 4-1-1 Sakae, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi 460-0008 http://www2.aichi-rodo.go.jp/gaikokujin/index.html	TEL +81-052-264-1901
Trung tâm dịch vụ người lao động Osaka	15F, Osaka Ekimae-Daini Bldg., 1-2-2 Umeda, Kita-ku, Osaka-shi Osaka 530-0015 http://www.osaka-rodo.go.jp/hw/gaisen/	TEL +81-6-6344-1135
Hello Work	http://www.hellowork.go.jp/	

Chương

5

Những điều cần biết thêm

Khi gặp khó khăn...
(các địa chỉ liên hệ)

T50

**Số du học sinh học tập tại
Nhật Bản (thống kê)**

T53



Khi gặp khó khăn (Các địa chỉ liên hệ)



Cách gọi điện từ nước ngoài đến Nhật Bản. Đầu tiên ấn mã số của nước Nhật Bản là 81, tiếp theo là mã vùng (bỏ số 0 đầu tiên đi) và cuối cùng là ấn số điện thoại cần gọi. Ví dụ: 03-5520-6141 thành +81-3-5520-6141

I. Các vấn đề chung về du học Nhật Bản

1. Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)
2. Công khai các tài liệu du học (55 địa điểm tại 43 thành phố thuộc 21 quốc gia trong khu vực)
3. Các Bộ, ngành liên quan

II. Liên quan tới nhập cảnh cư trú

1. Trung tâm thông tin tổng hợp cư trú người nước ngoài
2. Cục quản lý nhập cảnh

III. Thi cử

1. Kỳ thi du học Nhật Bản
2. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật
3. Kiểm tra năng lực tiếng Nhật thương mại BJT

I-1. Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) <http://www.jasso.go.jp/>

Xem bìa sau quyển sách!

I-2. Công khai các tài liệu du học

JASSO gửi tài liệu và cung cấp các thông tin du học để người có nguyện vọng đi du học có thể xem và nhận tài liệu tại các cơ quan dưới đây:

	Nước, khu vực (tên thành phố)	Tên cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
1	Trung Quốc (Trường Xuân)	Trường dự bị lưu học sinh đi Nhật Bản, Đại học sư phạm Đông bắc	Jing Yue Xiao Qu, Changchun, Jilin, CHINA	+86-431-84516-282
2	Trung Quốc (Thẩm Dương)	Phòng văn hoá thông tin Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thẩm Dương	50, Shisi Wei Lu, He Ping Qu, Shenyang, Liaoning CHINA	+86-24-2385-0042
3	Trung Quốc (Đại Liên)	Văn phòng Đại Liên, thuộc tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thẩm Dương	3F Senmao Building, 147 Zhongshan Road, Xigang District, Dalian CHINA	+86-411-8370-4077
4	Trung Quốc (Đại Liên)	Học viện ngoại ngữ Đại Liên	No. 94 Yan An Road, Zhong Shan, Dalian CHINA	+86-411-8280-1220
5	Trung Quốc (Bắc Kinh)	Phòng văn hoá thông tin thuộc Đại sứ quán Nhật Bản tại Trung Quốc	Floor 1-2, New Bussiness Building, International Club, No. 21 Jian Guo Men Wai Street, Beijing CHINA	+86-10-6532-2136
6	Trung Quốc (Bắc Kinh)	Trung tâm hợp tác quốc tế phục vụ lưu học Trung Quốc	15 Xue Yuan Road, Haidian, Beijing CHINA	+86-10-8236-1060
7	Trung Quốc (Tề Nam)	Thư viện tỉnh Sơn Đông	2912, Er Huan Dong Road, Jinan, Shandong CHINA	+86-531-8559-0778
8	Trung Quốc (Thượng Hải)	Phòng văn hoá thông tin thuộc tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thượng Hải	International Trade Center 302, 2201 Yan Ah West Road, Shanghai CHINA	+86-21-6219-5923
9	Trung Quốc (Thượng Hải)	Phòng giao lưu quốc tế của thư viện Thượng Hải	1555, Huai Hai Zhong Road, Shanghai CHINA	+86-21-6445-4500
10	Trung Quốc (Quảng Châu)	Trung tâm Quảng Châu thuộc Trung tâm lưu học Bộ giáo dục	6F, Beixiu Building, 266 Xiaobei Road, Guangzhou, Guangdong, CHINA	+86-20-8356-8066 (Ext : 8622)
11	Trung Quốc (Hồng Kông)	Hội cựu sinh viên du học Nhật Bản - Hồng Kông	46F One Exchange Square, 8 Connaught Place, Central Hong Kong, HONG KONG	+852-2532-2347
12	Hàn Quốc (Incheon)	Trung tâm học thuật, Đại học Inha	# 253 Yonghyun-dong, Nam-gu, Incheon, 402-751, REPUBLIC OF KOREA	+82-32-860-9025
13	Hàn Quốc (Daejeon)	Đại học Han nam,	133 Ojeang-dong, Daedeok-gu, Daejeon, 306-791 REPUBLIC OF KOREA	+82-42-629-7923
14	Hàn Quốc (Daejeon)	Thư viện Đại học Pajai	14 Yeonja-1-Gil, Seo-Gu, Daejeon, REPUBLIC OF KOREA	+82-42-520-5672
15	Hàn Quốc (Cheonan)	Bộ môn tiếng Nhật, Khoa Khoa Học xã hội nhân Văn, Đại học Cheonan	San 29, Anseo-dong Chonan, Chungchongnam-do, REPUBLIC OF KOREA	+82-41-550-3192
16	Hàn Quốc (Cheonan)	Phòng Hợp tác quốc tế Đại học SangMyung,	E001, San 98-20, Anso-dong, Chonan, Chungchongnam-do 330-720, REPUBLIC OF KOREA	+82-41-550-5110
17	Hàn Quốc (Bu san)	Lãnh sự quán Nhật Bản tại Busan	1147-11, Choryang 3-dong, Dong-gu, Busan, REPUBLIC OF KOREA	+82-51-469-3508
18	Hàn Quốc (Bu san)	Trung tâm giao lưu Hàn Nhật Bu san	1501-2, Hanshin VAN O/T, Jecnp02-Dong, Busanjin-Gu, Busan, REPUBLIC OF KOREA	+82-51-811-1717
19	Hàn Quốc (Kwangju)	Trung tâm thông tin Nhật Bản, Đại học Kwangju	592, Jinwol-dong, Nam-gu, Kwangju, 503-703 REPUBLIC OF KOREA	+82-62-670-2252
20	Đài Loan (Đài Bắc)	Văn phòng Đài Bắc, Hội giao lưu tài đoàn pháp nhân	28 Chingcheng St., Taipei, TAIWAN, R. O. C.	+886-2-2713-8000
21	Đài Loan (Đài Bắc)	Phòng tham khảo tài liệu du học thuộc thư viện thành phố Taipei	No. 125, Sec. 2, Jianguo South Road, Taipei TAIWAN, R. O. C.	+886-2-2707-1008
22	Đài Loan (Đài Trung)	Phòng tham khảo tài liệu du học thuộc thư viện quốc lập Taichung	291-3 Jingwu Road, Taichung, Taiwan, R. O. C.	+886-4-2226-1105 (Ext : 762)

	Nước, khu vực (tên thành phố)	Tên cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
23	Đài Loan (Kaohsiung)	Văn phòng Kaohsiung, Hiệp hội giao lưu	9F, Nan Ho Ping Bldg, 87 Ho Ping 1 st Rd., Lingya Qu, Kaohsiung, TAIWAN R. O. C.	+886-7-771-4008 (Ext : 41)
24	Đài Loan (Kaohsiung)	Chi nhánh thư viện quốc gia Kaohsiung	4F, No. 468, Dashun 2 nd Rd., Sanmin District, Kaohsiung 807, TAIWAN R. O. C.	+886-7-395-0813
25	Đài Loan (Penghu)	Phòng tham khảo tài liệu du học thuộc thư viện thành phố Penghu	230 Zhonghua Road, Magong City, Penghu County 880, TAIWAN, R. O. C.	+886-6-926-1141 (Ext : 154)
26	Mông Cổ (Ulaanbataar)	Trung tâm Mông cổ - Nhật Bản	Mongolia-Japan Center Building, Ulaanbaatar, MONGOLIA	+976-11-310879
27	Singapore	Hội cựu lưu học sinh Singapre đã tốt nghiệp tại Nhật Bản	Blk 531A, Upper Cross Street, #04-108 Hong Lim Complex, SINGAPORE 051531	+65-6534-0854 +65-9668-6443
28	Indonesia (Yogyakarta)	Đại học Islam Indonesia	Jl. Demangan Baru No. 24, Yogyakarta 55281, INDONESIA	+62-274-540255
29	Indonesia (Yogyakarta)	Đại học Atmjiaya	Jl. Babarsari No. 6, Yogyakarta 55281, INDONESIA	+62-274-487711 (Ext : 3125)
30	Indonesia (Surabaya)	Đại học Surabaya	The International Village Office Building, Raya Kalirungkut, Surabaya 60293, INDONESIA	+62-31-298-1300 (Ext : 1315)
31	Indonesia (Surabaya)	Japanese Studies on Multicultural Society in Indonesia (JASMIN)	Jl. Kalidami 14-16 Surabaya 60285, INDONESIA	+62-31-596-7010
32	Indonesia (West Java)	Đại học Padjadjaran	Jl. Raya Jatingangor Km 21, Sumedang, Jawa Barat, 40600 INDONESIA	+62-22-7796388
33	Indonesia (Malang)	Đại học Merdeka	Jl. Bandung No.1 Malang, 65113 East Java, INDONESIA	+62-341-580303
34	Myanmar (Yangon)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Myanmar - Nhật bản (chương trình JICA)	Room #707, Pearl Condominium, Kaba Aye Pagoda Road, Yankin Township, Yangon, MYANMAR	+95-1-534348
35	Thái Lan (Chiang Mai)	Chi bộ phía Bắc Hiệp hội cựu lưu học sinh Vương quốc Thái Lan	3/3 Samlarn Road, T. Phra Sing, A. Muang, Chiang Mai 50200, THAILAND	+66-53-814-550
36	Philippines (Manila)	Trung tâm quảng cáo văn hóa Đại sứ quán Nhật Bản tại Philipin	2627 Roxas Boulevard, Pasay City, 1300 PHILIPPINES	+63-2-551-5710
37	Cambodia (Phnom Penh)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Campuchia - Nhật bản (CJCC)	RUPP-CJCC, Blvd. Confederation of Russia, Khan Toul Kork, Phnom Penh, CAMBODIA (P.O. Box 1290 Phnom Penh, CAMBODIA)	+855-23-883-631 884-534
38	Lào (Viên Chăn)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Lào - Nhật bản	c/o National University of Laos, Dongdok Campus, P.O.Box 7322, Vientiane, LAO P.D.R.	+856-21-720156 ~ 8
39	Việt nam (Hà Nội)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Việt nam - Nhật bản (VJCC)	Foreign Trade University, 91 Chua Lang, Dong Da District, Hanoi, VIETNAM	+84-4-3775-1279
40	Việt nam (Hồ Chí Minh)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Việt nam - Nhật bản (VJCC-HCMC)	15, D5 Road, Van Thanh Bac, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, VIETNAM	+84-8-3512-2151
41	Việt nam (Hồ Chí Minh)	Trường tiếng Nhật Sakura	228 Nam Ky Khoi Nghia St. Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, VIETNAM	+84-8-3932-0750
42	Việt nam (Hồ Chí Minh)	Đại học khoa học xã hội và nhân văn	10-12 Dinh Tien Hoang St., Dist. 1, Ho Chi Minh City, VIETNAM	+84-8-3822-1910
43	Ấn Độ (New Delhi)	Hiệp hội lưu học sinh, Bộ giáo dục Ấn Độ (MOSAI)	1209-1211 (12 th Floor), New Delhi House 27, Barakhamba Road, New Delhi 110001, INDIA	+91-11-23752964 -23313524
44	Bangladesh (Dhaka)	Hội cựu lưu học sinh Bang ladet tại Nhật Bản (JUAAB)	Shuvastu Chirontoni Tower (2 nd Floor), 26, Indira Road, Farmgate, Dhaka-1215, BANGLADESH	+880-2-914-5288
45	Nepal (Kathmandu)	Hội những người du học Nhật Bản (JUAAN)	P.O. Box 25265, Kantipath, Kathmandu, NEPAL	+977-1-4426680
46	Kazakhstan (Almaty)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Kazakhstan - Nhật Bản	55 Jandosov Street, 480035, Almaty, KAZAKHSTAN	+7-727-221-0611
47	Kyrgyz (Bishkek)	Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực KYRGYZ - Nhật Bản	Building 7, Floor 2, Turusbekov Street 109, Bishkek, KYRGYZ	+996-312-906580 81
48	Uzbekistan (Tashikent)	Trung tâm Nhật Bản – Uzbekistan	International Business Center, 107-B, Amir Temur Street, Tashikent, 100084 UZBEKISTAN	+998-71-237-4862 63, 69
49	Nga (Moscow)	Trung tâm Nhật Bản - Đại học Moscow	1 st Floor, Building 1/52, Moscow State University, Vorobyevy Gory, Moscow, 119234, RUSSIA	+7-495-626-5032
50	Nga (St. Petersburg)	Trung tâm Nhật Bản - Peterburg	Room No. 414B, 4 th Floor Nevsky Prospekt 25, St. Petersburg, 191186, RUSSIA	+7-812-326-2555
51	Nga (Nizhny Novgorod)	Trung tâm Nhật Bản - Nizhny Novgorod	Rozhdestvenskaya St. 27, Nizhny Novgorod, 603001, RUSSIA	+7-8312-34-3681
52	Nga (Khabarovsk)	Trung tâm Nhật Bản - Khabarovski	7, Moskovskaya St., Khabarovsk, 680000, RUSSIA	+7-4212-22-7460
53	Nga (Sakhalinsk)	Trung tâm Nhật Bản - Sakhalinsk	Sakhincenter 2 nd Floor 201, 32, Kommunistichesk Ave., Yuzhno Sakhalinsk, 693009, RUSSIA	+7-4242-72-7028
54	Nga (Sakhalinsk)	Trung tâm Nhật Bản - Vladivostok	3 rd Floor, Okeansky Ave. 37 Vladivostok, 690091, RUSSIA	+7-4232-42-4250
55	Ukraine	Trung tâm Nhật Bản - Ukraine	37, Peremohy Ave., Library NTUU "KPI" 4 th Floor, Kyiv, 03056 UKRAINE	+380-44-241-6866

I-3. Các Bộ, ngành liên quan

Tên	Địa chỉ	Điện thoại
Bộ Giáo dục và Khoa học	3-2-2 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8959 ☎ http://www.mext.go.jp/	+81-3-5253-4111
Bộ Ngoại giao	2-2-1 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8919 ☎ http://www.mofa.go.jp/	+81-3-3580-3311
Bộ Tư pháp	1-1-1 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8977 ☎ http://www.moj.go.jp/	+81-3-3580-4111

II-1. Trung tâm thông tin tổng hợp người nước ngoài sống tại Nhật

Bạn có thể tư vấn bằng tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha v.v...

[☎ http://www.moj.go.jp/NYUKAN/nyukan05.html](http://www.moj.go.jp/NYUKAN/nyukan05.html)

Sendai	1-3-20 Gorin, Miyagino-ku, Sendai-shi, Miyagi 983-0842	+81-22-298-9014
Tokyo	5-5-30 Konan, Minato-ku, Tokyo 108-8255	+81-3-5796-7112
Shinjuku	2-44-1 Kabuki-cho, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0021	+81-3-3209-6177
Yokohama	10-7 Torihama-cho, Kanazawa-ku, Yokohama-shi, Kanagawa, 236-0002	+81-45-769-0230
Nagoya	5-18, Shoho-cho, Minato-ku, Nagoya-shi, Aichi 455-8601	+81-52-559-2151~2
Osaka	1-29-53, Nankou Kita, Suminoe-ku, Osaka-shi, Osaka 559-0034	+81-6-4703-2100
Kobe	29 Kaigan-dori, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 650-0024	+81-78-326-5141
Hiroshima	6-30 Kami-hatchobori, Naka-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima 730-0012	+81-82-502-6060
Fukuoka	778-1 Shimousui, Hakata-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka 812-0003	+81-92-626-5100

II-2. Cục quản lý nhập cảnh (phân theo khu vực)

Cục quản lý nhập cảnh Sapporo (Hokkaido)	12 Odori-nishi, Chuo-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 060-0042	+81-11-261-7502
Cục quản lý nhập cảnh Sendai (Miyagi, Fukushima, Yamagata, Iwate, Akita, Aomori)	1-3-20 Gorin, Miyagino-ku, Sendai-shi, Miyagi 983-0842	+81-22-256-6076
Cục quản lý nhập cảnh Tokyo (Tokyo, Saitama, Chiba, Ibaraki, Tochigi, Gunma, Yamanashi, Nagano, Niigata)	5-5-30 Konan, Minato-ku, Tokyo 108-8255	+81-3-5796-7111
Đồng chi cục sân bay Narita (sân bay Narita)	1-1 Furugome, Narita-shi, Chiba 282-0004	+81-476-34-2222
Đồng chi cục Yokohama (Kanagawa)	10-7 Torihama-cho, Kanazawa-ku, Yokohama-shi, Kanagawa, 236-0002	+81-45-769-1720
Cục quản lý nhập cảnh Nagoya (Aichi, Mie, Shizuoka, Gifu, Fuku, Toyama, Ishikawa)	5-18, Shoho-cho, Minato-ku, Nagoya-shi, Aichi 455-8601	+81-52-559-2150
Đồng chi cục sân bay Chubu (sân bay Chubu)	CIQ Wing 3F, 1-1 Centrair, Tokoname-shi, Aichi 479-0881	+81-569-38-7410
Cục quản lý nhập cảnh Osaka (Osaka, Kyoto, Nara, Shiga, Wakayama)	1-29-53 Nankou Kita, Suminoe-ku Osaka-shi, Osaka 559-0034	+81-6-4703-2100
Đồng chi cục sân bay Kansai (sân bay Kansai)	1 Kuko-naka, Senshu, Tajiri-machi, Sennan-gun, Osaka 549-0011	+81-724-55-1453
Đồng chi cục Kobe (Hyogo)	29 Kaigan-dori, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 650-0024	+81-78-391-6377
Cục quản lý nhập cảnh Hiroshima (Hiroshima, Yamaguchi, Okayama, Tottori, Shimane)	6-30 Kami-hatchobori, Naka-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima 730-0012	+81-82-221-4411
Cục quản lý nhập cảnh Takamatsu (Kagawa, Ehime, Tokushima, Kochi)	1-1 Marunouchi, Takamatsu-shi, Kagawa 760-0033	+81-87-822-5852
Cục quản lý nhập cảnh Fukuoka (Fukuoka, Saga, Nagasaki, Oita, Kumamoto, Kagoshima, Miyazaki)	778-1 Shimousui, Hakata-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka 812-0003	+81-92-623-2400
Đồng chi cục Naha (Okinawa)	1-15-15 Hikawa, Naha-shi, Okinawa 900-0022	+81-98-832-4185

III-1. Kỳ thi du học Nhật Bản

① Đơn vị tổ chức

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) Phòng chuyên về kỳ thi du học, lập đề án cho du học sinh	4-5-29 Komaba, Meguro-ku, Tokyo 153-8503 ☎ http://www.jasso.go.jp/ ej@jasso.go.jp	+81-3-6407-7457
--	--	-----------------

② Chế độ học bổng khuyến khích du học sinh nước ngoài đi học tự phí

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) Phòng kế hoạch, lập đề án cho du học sinh	2-79 Aomi, Koto-ku, Tokyo 135-8630 ☎ http://www.jasso.go.jp/	+81-3-5520-6030
---	---	-----------------

③ Đơn vị tổ chức tại nước ngoài

Xem trang 31

III-2. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

① Tổ chức tại nước Nhật

Ban tổ chức kỳ thi năng lực tiếng Nhật, phòng phổ cập giáo dục tiếng Nhật, Hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Tài đoàn pháp nhân)	4-5-29 Komaba, Meguro-ku, Tokyo 153-8503 ☎ http://www.jees.or.jp/	+81-3-5454-5577
--	---	-----------------

② Tổ chức tại nước ngoài

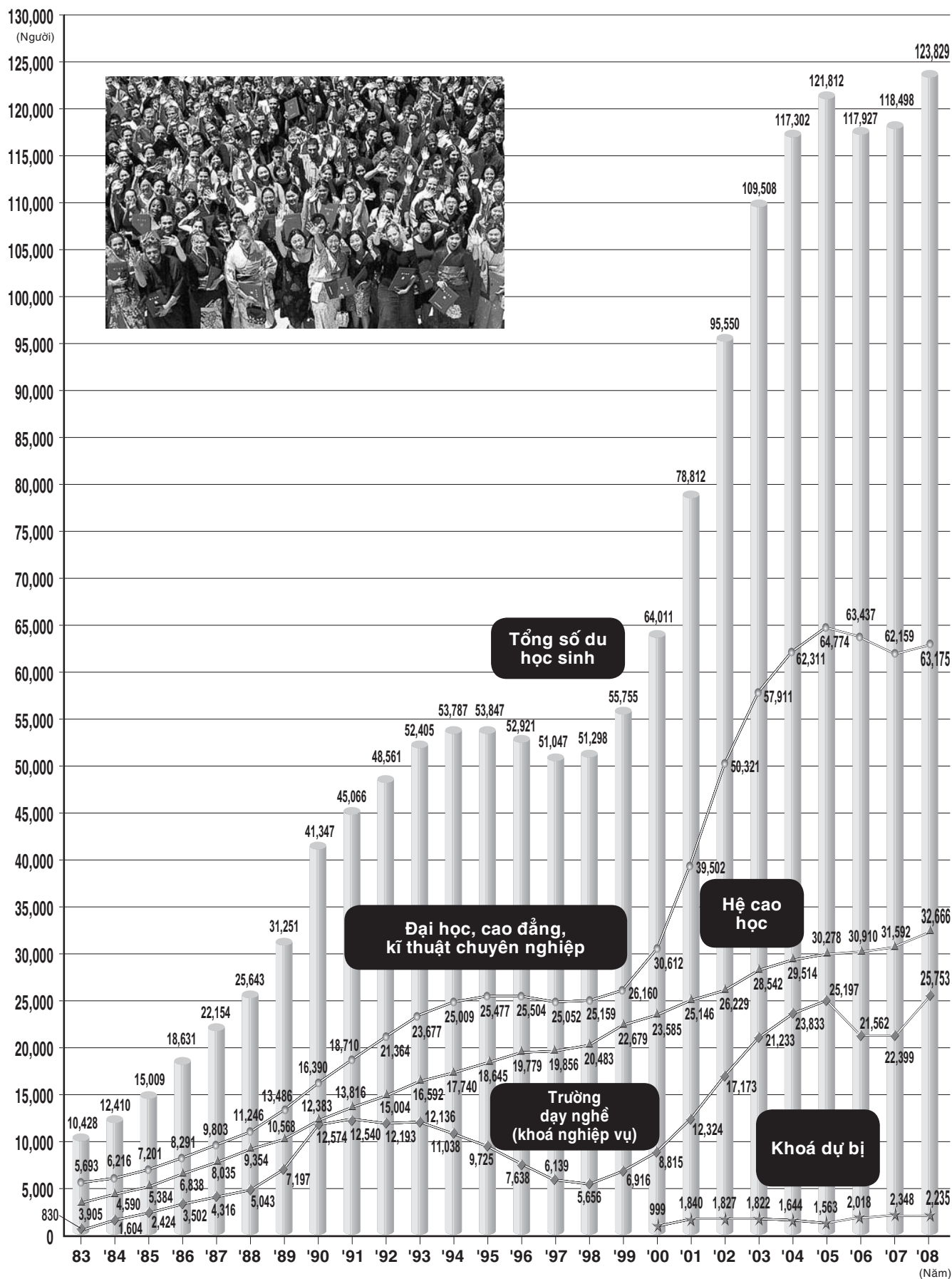
Trung tâm kiểm tra năng lực tiếng Nhật, Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản.	1-21 Yotsuya, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0004 ☎ http://www.jlpt.jp/	+81-3-5367-1021
--	--	-----------------

III-3. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT

Hiệp hội kiểm định năng lực chữ Hán Nhật Bản	398 Gojokarasuma-cho, Matsubara-sagaru, Karasuma-dori, Simogyo-ku, Kyoto 600-8585 ☎ http://www.kanken.or.jp/bjt/ bjt@kanken.or.jp	+81-75-352-8300
--	---	-----------------

Số lượng du học sinh sống tại Nhật Bản (thống kê)

Bảng 1 Số du học sinh theo học cao học, đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp, dạy nghề
(ngày 1 tháng 5 hàng năm)



Bảng 2 Số du học sinh các nước (phân theo khu vực)

(1 tháng 5 hàng năm)

2008			2007		
Tên nước (khu vực)	Số du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)	Tên nước (khu vực)	Số du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)
1 Trung Quốc	72,766	58.8	Trung Quốc	71,277	60.2
2 Hàn Quốc	18,862	15.2	Hàn Quốc	17,274	14.6
3 Đài Loan	5,082	4.1	Đài Loan	4,686	4.0
4 Việt Nam	2,873	2.3	Việt Nam	2,582	2.2
5 Malaysia	2,271	1.8	Malaysia	2,146	1.8
6 Thái Lan	2,203	1.8	Thái Lan	2,090	1.8
7 Mỹ	2,024	1.6	Mỹ	1,805	1.5
8 Indonesia	1,791	1.4	Indonesia	1,596	1.3
9 Bangladesh	1,686	1.4	Bangladesh	1,508	1.3
10 Nepal	1,476	1.2	Nepal	1,309	1.1
Khác	12,795	10.3	Khác	12,225	10.2
Cộng	123,829	100.0	Cộng	118,498	100.0



Bảng 3 Số du học sinh tính theo khu vực

(1 tháng 5 năm 2008) Trong () là số hiện tại tính đến ngày 1 tháng 5 năm 2007

Tên nước (khu vực)	Số du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)	Bên trái là du học ngắn hạn	
			Số du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)
1 Châu Á	114,189 (109,495)	92.2 (92.4)	5,915 (4,985)	60.6 (59.6)
2 Châu Âu	3,819 (3,547)	3.1 (3.0)	1,770 (1,571)	18.1 (18.8)
3 Bắc Mỹ	2,343 (2,112)	1.9 (1.8)	1,584 (1,395)	16.2 (16.7)
4 Châu Phi	1,084 (989)	0.9 (0.8)	44 (39)	0.5 (0.5)
5 Trung Nam Mỹ	1,008 (1,024)	0.8 (0.9)	118 (113)	1.2 (1.4)
6 Trung Cận Đông	842 (797)	0.7 (0.7)	55 (36)	0.6 (0.4)
7 Châu Đại Dương	544 (534)	0.4 (0.5)	270 (229)	2.8 (2.7)
Cộng	123,829 (118,498)	100.0 (100.0)	9,756 (8,368)	100.0 (100.0)

Bảng 4 Số du học sinh phân theo ngành nghề

(đến ngày 1 tháng 5 hàng năm)

Chuyên ngành	Số du học sinh (người)		Tỷ lệ (%)	
	2008	2007	2008	2007
Khoa học xã hội	48,259	47,611	39.0	40.2
Khoa học nhân văn	29,189	27,763	23.6	23.4
Công nghệ	19,511	18,059	15.8	15.2
Nghệ thuật	4,006	3,439	3.2	2.9
Giáo dục	2,981	3,124	2.4	2.6
Sức khỏe	2,768	2,692	2.2	2.3
Nông học	2,887	2,857	2.3	2.4
Gia chánh	2,772	2,514	2.2	2.1
Khoa học tự nhiên	1,526	1,586	1.2	1.3
Khác	9,930	8,853	8.0	7.5
Cộng	123,829	118,498	100.0	100.0

Bảng 5 Tình hình bằng cấp của du học sinh tốt nghiệp năm 2007

Trong () là của năm 2006

	Tiến sĩ					Thạc sĩ				
	Số người nhận học vị 2007 (người)	Số nhận bằng tiến sĩ (người)	Tình hình nhận học vị trong năm			Số người nhận học vị 2007 (người)	Tình hình nhận học vị trong năm			
			a. Số người học (người)	b. Số người nhận học vị (người)	b/a (%)		a. Số người học (người)	b. Số người nhận học vị (người)	b/a (%)	
Khoa học nhân văn	131 (155)	12 (20)	276 (251)	38 (41)	13.8 (16.3)	659 (723)	693 (788)	554 (619)	79.9 (78.6)	
Khoa học xã hội	213 (226)	19 (18)	384 (362)	103 (97)	26.8 (26.8)	2,515 (2,637)	2,695 (2,586)	2,342 (2,254)	86.9 (87.2)	
Khoa học tự nhiên	130 (144)	6 (15)	136 (138)	93 (83)	68.4 (60.1)	81 (134)	81 (135)	74 (119)	91.4 (88.1)	
Công nghệ	723 (658)	21 (24)	852 (778)	555 (453)	65.1 (58.2)	1,247 (1,185)	1,297 (1,254)	1,211 (1,087)	93.4 (86.7)	
Nông học	290 (290)	17 (10)	343 (281)	230 (206)	67.1 (73.3)	289 (298)	290 (314)	278 (284)	95.9 (90.4)	
Sức khỏe	483 (450)	33 (22)	472 (505)	356 (374)	75.4 (74.1)	115 (117)	113 (116)	99 (94)	87.6 (81.0)	
Gia chánh	2 (7)	0 (5)	9 (6)	1 (1)	11.1 (16.7)	33 (18)	32 (24)	29 (17)	90.6 (70.8)	
Giáo dục	29 (22)	1 (1)	66 (52)	11 (8)	16.7 (15.4)	475 (486)	499 (522)	428 (437)	85.8 (83.7)	
Nghệ thuật	29 (28)	0 (1)	42 (42)	18 (16)	42.9 (38.1)	157 (124)	161 (140)	148 (112)	91.9 (80.0)	
Khác	500 (566)	14 (47)	706 (773)	351 (310)	49.7 (40.1)	1,421 (1,178)	1,501 (1,275)	1,286 (992)	85.7 (77.8)	
Cộng	2,530 (2,546)	123 (163)	3,286 (3,188)	1,756 (1,589)	53.4 (49.8)	6,992 (6,900)	7,362 (7,154)	6,449 (6,015)	87.6 (84.1)	

Bảng 6 Số học sinh đang học ở các trường quốc lập, công lập, tư

(tính đến 1-5-2008)

Trong () là tính đến 1-5-2007

	Quốc lập		Công lập		Tư nhân		Tổng cộng	
	Số lượng du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng du học sinh (người)	Tỷ lệ (%)
Cao học	20,247 (19,516)	62.0 (61.8)	1,316 (1,337)	4.0 (4.2)	11,103 (10,739)	34.0 (34.0)	32,666 (31,592)	100.0 (100.0)
Đại học	9,674 (9,767)	16.0 (16.4)	1,302 (1,284)	2.2 (2.2)	49,544 (48,459)	81.9 (81.4)	60,520 (59,510)	100.0 (100.0)
Cao đẳng	2 (3)	0.1 (0.1)	5 (6)	0.2 (0.3)	2,110 (2,101)	99.7 (99.6)	2,117 (2,110)	100.0 (100.0)
Kỹ thuật chuyên nghiệp	462 (460)	85.9 (85.3)	0 (1)	0.0 (0.2)	76 (78)	14.1 (14.5)	538 (539)	100.0 (100.0)
Trường dạy nghề	0 (0)	0.0 (0.0)	9 (10)	0.03 (0.04)	25,744 (22,389)	99.97 (99.96)	25,753 (22,399)	100.0 (100.0)
Trường dự bị	0 (0)	0.0 (0.0)	0 (0)	0.0 (0.0)	2,235 (2,348)	100.0 (100.0)	2,235 (2,348)	100.0 (100.0)
Tổng cộng	30,385 (29,746)	24.5 (25.1)	2,632 (2,638)	2.1 (2.2)	90,812 (86,114)	73.3 (72.7)	123,829 (118,498)	100.0 (100.0)

Bảng 7 Trường đại học nhận nhiều du học sinh

(ngày 1 tháng 5 hàng năm)

Thứ tự	Trường đại học quốc lập				Thứ tự	Trường đại học tư			
	Tên trường	Năm 2008 (người)	Tên trường	Năm 2007 (người)		Tên trường	Năm 2008 (người)	Tên trường	Năm 2007 (người)
1	Trường đại học Tokyo	2,388	Trường đại học Tokyo	2,297	1	Trường đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	2,644	Trường đại học Waseda	2,435
2	Trường đại học Osaka	1,439	Trường đại học Kyoto	1,275	2	Trường đại học Waseda	2,608	Trường đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	2,352
3	Trường đại học Tsukuba	1,337	Trường đại học Tsukuba	1,221	3	Trường đại học Kokushikan	1,336	Trường đại học Osaka Sangyo	1,327
4	Trường đại học Kyoto	1,335	Trường đại học Tohoku	1,179	4	Trường đại học công nghiệp Osaka	1,297	Trường đại học Kokushikan	1,300
5	Trường đại học Kyushu	1,292	Trường đại học Kyushu	1,171	5	Trường đại học Ritsumeikan	1,119	Trường đại học Takushoku	1,095
6	Trường đại học Tohoku	1,214	Trường đại học Nagoya	1,155	6	Trường đại học Nihon	1,048	Trường đại học Teikyo	1,062
7	Trường đại học Nagoya	1,214	Trường đại học công nghiệp Tokyo	1,038	7	Trường đại học Takushoku	1,046	Trường đại học Ritsumeikan	1,024
8	Trường đại học công nghiệp Tokyo	1,092	Trường đại học Osaka	1,032	8	Trường đại học Teikyo	953	Trường đại học Nihon	989
9	Trường đại học Kobe	1,011	Trường đại học Kobe	951	9	Trường đại học Keio	933	Trường đại học Keio	870
10	Trường đại học Chiba	878	Trường đại học Chiba	866	10	Trường đại học Keiai	712	Trường đại học Ryutsu Keizai	752

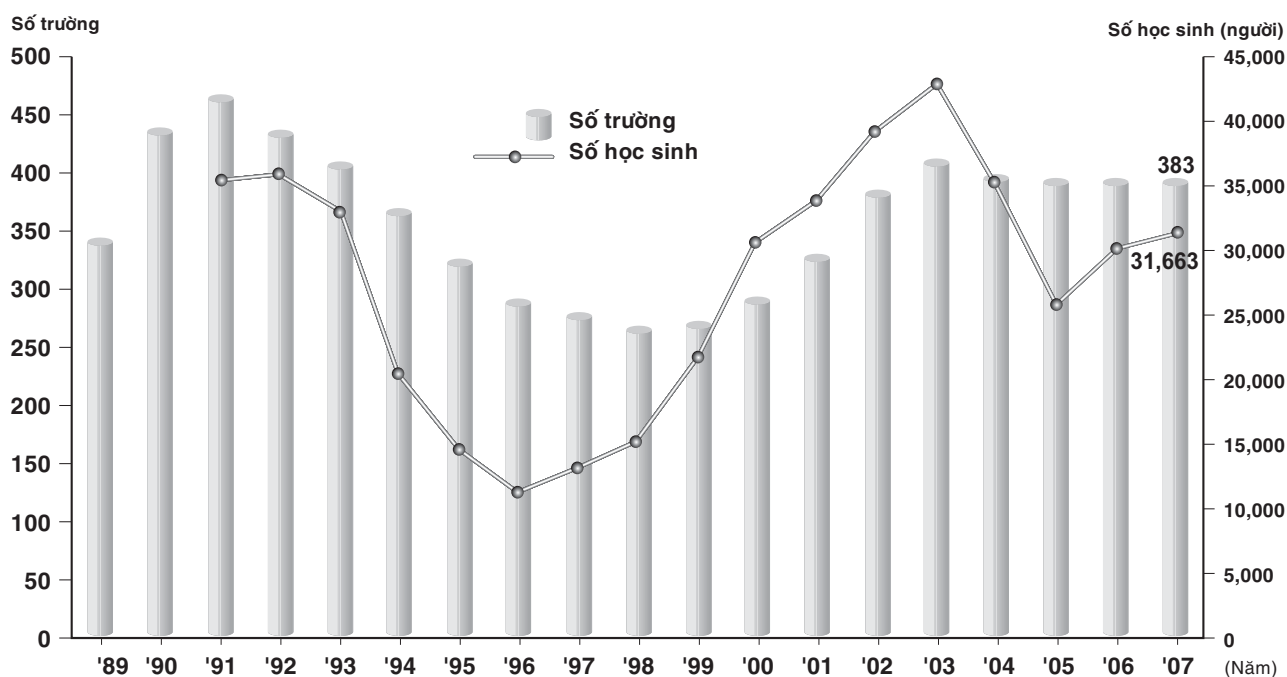
Bảng 8 Số học sinh phân theo tỉnh thành và các vùng

(tính đến ngày 1 tháng 5 hàng năm)

Vùng	Tỉnh thành	Số du học sinh (người)		Vùng	Tỉnh thành	Số du học sinh (người)	
		2008	2007			2008	2007
Hokkaido	Hokkaido	1,900 [1.5%]	1,776 [1.5%]	Kinki	Mie	793	767
					Shiga	371	377
					Kyoto	4,994	4,746
					Osaka	10,289	10,203
					Hyogo	4,017	3,737
					Nara	1,102	1,042
Tohoku	Aomori	523	326	Chugoku	Wakayama	282	262
	Iwate	396	401		Total	21,848 [17.6%]	21,134 [17.8%]
	Miyagi	1,814	1,767		Tottori	186	200
	Akita	227	216		Shimane	213	186
	Yamagata	212	211		Okayama	1,982	1,725
	Fukushima	309	236		Hiroshima	2,091	1,930
Kanto	Total	3,481 [2.8%]	3,157 [2.7%]	Shikoku	Yamaguchi	830	723
	Ibaraki	2,320	2,463		Total	5,302 [4.3%]	4,746 [4.0%]
	Tochigi	1,071	1,113		Tokushima	361	341
	Gunma	1,172	1,324		Kagawa	349	333
	Saitama	5,444	5,496		Ehime	475	465
	Chiba	5,566	5,708		Kochi	151	180
Chubu	Tokyo	42,371	40,316	Kyushu	Total	1,336 [1.1%]	1,319 [1.1%]
	Kanagawa	4,005	3,679		Fukuoka	6,613	6,017
	Total	61,949 [50.0%]	60,099 [50.7%]		Saga	398	400
	Niigata	1,197	1,246		Nagasaki	1,418	1,236
	Toyama	585	551		Kumamoto	743	715
	Ishikawa	1,421	1,240		Oita	3,965	3,587
Cộng	Fukui	329	320	Cộng	Miyazaki	122	121
	Yamanashi	692	710		Kagoshima	434	440
	Nagano	570	613		Okinawa	542	523
	Gifu	1,373	1,360		Total	14,235 [11.5%]	13,039 [11.0%]
	Shizuoka	1,480	1,396				
	Aichi	6,131	5,774				
	Cộng	13,778 [11.1%]	13,210 [11.1%]				



Các trường dạy tiếng Nhật và số lượng học sinh



Trường có số học sinh học lên tiếp

